

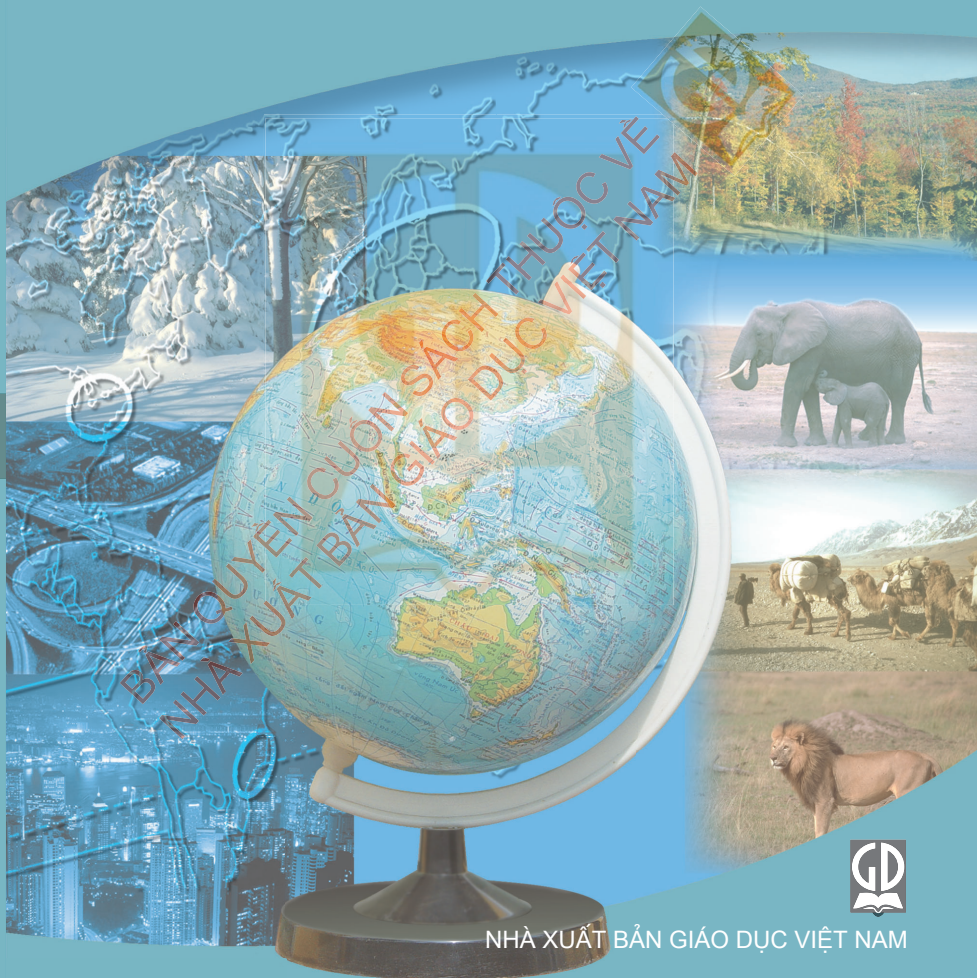
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỊA LÍ

ĐỊA LÍ

7

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN DƯỠC (Tổng Chủ biên) - PHAN HUY XU (Chủ biên)
NGUYỄN HỮU DANH - MAI PHÚ THANH

ĐỊA LÍ

(Tái bản lần thứ mười lăm)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



(Địa lí 7)1





Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc **NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS VŨ VĂN HÙNG**

Biên tập lần đầu : **PHÍ CÔNG VIỆT - HOÀNG CÔNG DŨNG**

Biên tập tái bản : **PHẠM THUY QUỲNH**

Biên tập mỹ thuật : **NGUYỄN TIẾN DŨNG - NGUYỄN KIM DUNG - CÙ ĐỨC NGHĨA**

Thiết kế sách : **NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Trình bày bìa : **BÙI QUANG TUẤN**

Sửa bản in : **PHẠM THUY QUỲNH**

Chỗ bán : **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐỊA LÍ 7

Mã số : 2H713T4

In cuốn, khổ 17 x 24 cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số in : Số XB : 01-2014/CXB/223-1062/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2014.



Phần một

THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

Bài 1 : DÂN SỐ

Số lượng người trên Trái Đất không ngừng tăng lên và tăng nhanh nhất trong thế kỉ XX ; trong đó các nước đang phát triển có tốc độ gia tăng dân số tự nhiên rất cao. Đây là một trong những vấn đề toàn cầu của xã hội loài người

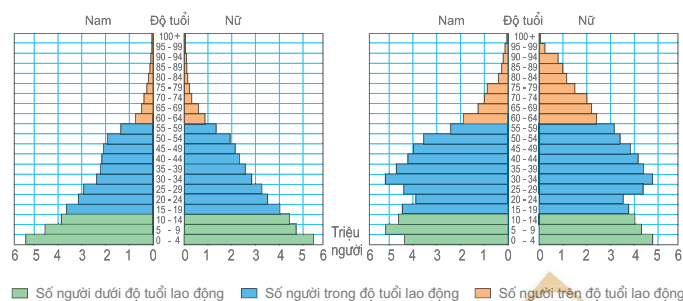
1. Dân số, nguồn lao động

Kết quả điều tra dân số tại một thời điểm nhất định cho chúng ta biết tổng số người của một địa phương hoặc một nước, số người ở từng độ tuổi, tổng số nam và nữ, số người trong độ tuổi lao động, trình độ văn hoá, nghề nghiệp đang làm và nghề nghiệp được đào tạo... Dân số là nguồn lao động quý báu cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Dân số thường được biểu hiện cụ thể bằng một tháp tuổi (tháp dân số). Nhìn vào tháp tuổi, chúng ta biết được tổng số nam và nữ phân theo từng độ tuổi, số người trong độ tuổi lao động của một địa phương...

- Quan sát hai tháp tuổi ở hình 1.1, cho biết :

- + Trong tổng số trẻ em từ khi mới sinh ra cho đến 4 tuổi ở mỗi tháp, ước tính có bao nhiêu bé trai và bao nhiêu bé gái ?
- + Hình dạng của hai tháp tuổi khác nhau như thế nào ? Tháp tuổi có hình dạng như thế nào thì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao ?



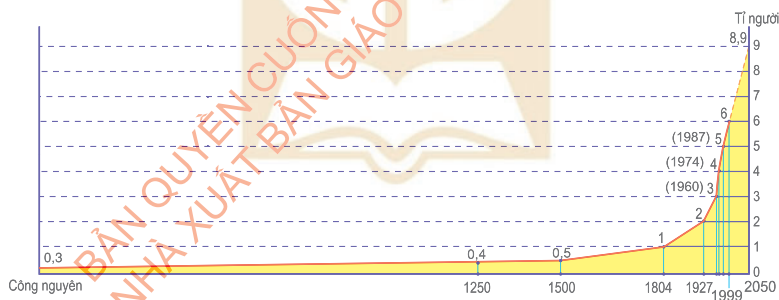
Hình 1.1 - Tháp tuổi

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX

Các số liệu thống kê và điều tra dân số liên tục trong nhiều năm sẽ giúp chúng ta biết được quá trình gia tăng dân số của một địa phương, một nước hay trên toàn thế giới.

Gia tăng dân số tự nhiên của một nơi phụ thuộc vào số trẻ sinh ra và số người chết đi trong một năm. Sự gia tăng dân số do số người chuyển đi và số người từ nơi khác chuyển đến gọi là gia tăng cơ giới.

- Quan sát hình 1.2, nhận xét về tình hình tăng dân số thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX.



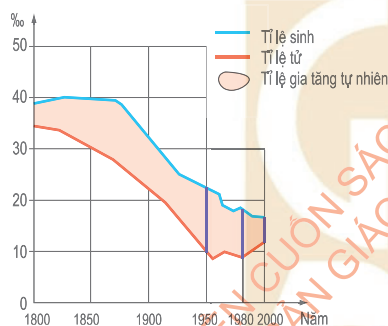
Hình 1.2 - Biểu đồ dân số thế giới từ đầu Công nguyên và dự báo đến năm 2050

Trong nhiều thế kỉ, dân số thế giới tăng hết sức chậm. Nguyên nhân chủ yếu là do dịch bệnh, đói kém và chiến tranh. Vào đầu Công nguyên, dân số thế giới chỉ có khoảng 300 triệu người, đến thế kỉ XVI mới tăng gấp đôi. Năm 1804, dân số thế giới là 1 tỉ người, thế mà năm 2001 đã lên đến 6,16 tỉ người; đó là nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và y tế.

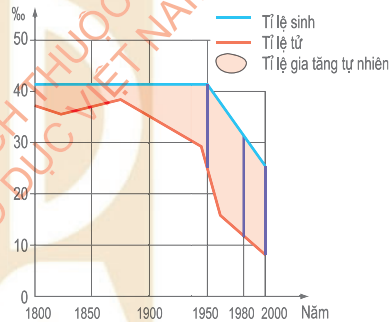
3. Sự bùng nổ dân số

Dân số thế giới tăng rất nhanh và đột ngột từ những năm 50 của thế kỉ XX khi các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế làm giảm nhanh tỉ lệ tử vong, trong khi tỉ lệ sinh vẫn còn cao. Bùng nổ dân số xảy ra khi tỉ lệ gia tăng bình quân hằng năm của dân số thế giới lên đến 2,1%. Dân số tăng nhanh vượt quá khả năng giải quyết các vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm... đã trở thành gánh nặng đối với các nước có nền kinh tế chậm phát triển.

- Quan sát, so sánh hai biểu đồ về tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của các nước phát triển và các nước đang phát triển từ năm 1800 đến năm 2000 dưới đây, cho biết: Trong giai đoạn từ năm 1950 đến năm 2000, nhóm nước nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn? Tại sao?



Hình 1.3 - Biểu đồ tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở các nước phát triển



Hình 1.4 - Biểu đồ tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở các nước đang phát triển

Bằng các chính sách dân số và phát triển kinh tế - xã hội, nhiều nước đã đạt được tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên hợp lí. Sự gia tăng dân số thế giới đang có xu hướng giảm dần để tiến đến ổn định ở mức trên 1,0%. Dự báo đến năm 2050, dân số thế giới sẽ là 8,9 tỉ người.

Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động... của một địa phương, một nước. Dân số được biểu hiện cụ thể bằng một tháp tuổi.



Dân số thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây. Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao. Dân số tăng nhanh và đột biến dẫn đến sự bùng nổ dân số ở nhiều nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. Các chính sách dân số và phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số ở nhiều nước.

Câu hỏi và bài tập

1. Tháp tuổi cho ta biết những đặc điểm gì của dân số ?
2. Dựa vào bảng tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và sự phân bố dân cư thế giới theo các châu lục dưới đây, hãy cho biết châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất và châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất. Tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á giảm nhưng tỉ trọng dân số so với toàn thế giới lại tăng ?

Châu lục và khu vực	Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên (%)		Dân số so với toàn thế giới (%)	
	1950-1955	1990-1995	1950	1995
Toàn thế giới	1,78	1,48	100,0	100,0
Châu Á	1,91	1,53	55,6	60,5
Châu Phi	2,23	2,68	8,9	12,8
Châu Âu	1,00	0,16	21,6	12,6
Bắc Mĩ	1,70	1,01	6,8	5,2
Nam Mĩ	2,65	1,70	6,6	8,4
Châu Đại Dương	2,21	1,37	0,5	0,5

3. Bùng nổ dân số thế giới xảy ra khi nào ? Nêu nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết.

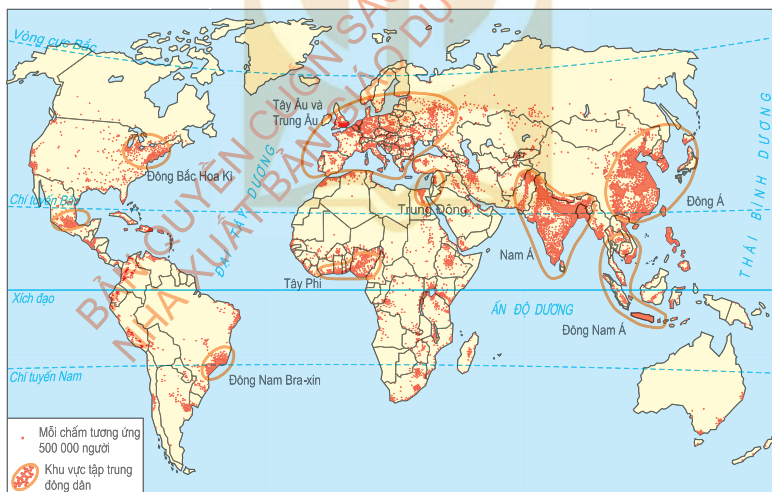


Bài 2 : SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

Loài người xuất hiện trên Trái Đất cách đây hàng triệu năm. Ngày nay, con người đã sinh sống ở hầu khắp mọi nơi trên Trái Đất. Có nơi dân cư tập trung đông, nhưng cũng nhiều nơi rất thưa vắng người. Điều đó phụ thuộc vào điều kiện sinh sống và khả năng cải tạo tự nhiên của con người.

1. Sự phân bố dân cư

- Quan sát hình 2.1, cho biết :
- + Những khu vực tập trung đông dân.
- + Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất.



Hình 2.1 - Lược đồ phân bố dân cư trên thế giới

Đến năm 2003, dân số thế giới đã lên tới trên 6 tỉ người. Tính ra, bình quân trên 1km² đất liền có hơn 46 người sinh sống. Tuy thế, không phải nơi nào trên bề mặt Trái Đất cũng đều có người ở. Căn cứ vào mật độ dân số có thể biết được nơi nào đông dân, nơi nào thưa dân. Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông thuận tiện như đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu ẩm áp, mưa nắng thuận hoà... đều có mật độ dân số cao. Ngược lại, những vùng núi hay vùng sâu, vùng xa, hải đảo... đi lại khó khăn hoặc vùng cực, vùng hoang mạc... khí hậu khắc nghiệt thường có mật độ dân số thấp.

Với những tiến bộ về kỹ thuật, con người có thể khắc phục những trở ngại về điều kiện tự nhiên để sinh sống ở bất kỳ nơi nào trên Trái Đất.

2. Các chủng tộc

Căn cứ vào hình thái bên ngoài của cơ thể (màu da, tóc, mắt, mũi...), các nhà khoa học đã chia dân cư trên thế giới thành ba chủng tộc chính : *Môn-gô-lô-it* (thường gọi là người da vàng), *Nê-grô-it* (người da đen) và *Ơ-rô-pê-ô-it* (người da trắng).



Hình 2.2 - Học sinh thuộc ba chủng tộc làm việc ở phòng thí nghiệm

Dân cư ở châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc *Môn-gô-lô-it*, ở châu Phi thuộc chủng tộc *Nê-grô-it* và ở châu Âu thuộc chủng tộc *Ơ-rô-pê-ô-it*.

Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các chủng tộc đã dần dần chung sống ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.



Dân cư phân bố không đồng đều trên thế giới. Số liệu về mật độ dân số cho chúng ta biết tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước...

Dân cư thế giới thuộc ba chủng tộc chính là Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it và Ô-rô-pê-ô-it. Dân cư ở châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it, ở châu Phi thuộc chủng tộc Nê-grô-it, còn ở châu Âu thuộc chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it.

Câu hỏi và bài tập

1. Dân cư trên thế giới thường sinh sống chủ yếu ở những khu vực nào ? Tại sao ?
2. Mật độ dân số là gì ? Tính mật độ dân số năm 2001 của các nước trong bảng dưới đây và nêu nhận xét.

Tên nước	Diện tích (km ²)	Dân số (triệu người)
Việt Nam	329314	78,7
Trung Quốc	9597000	1273,3
In-đô-nê-xi-a	1919000	206,1

3. Căn cứ vào đâu mà người ta chia dân cư trên thế giới ra thành các chủng tộc ? Các chủng tộc này sinh sống chủ yếu ở đâu ?



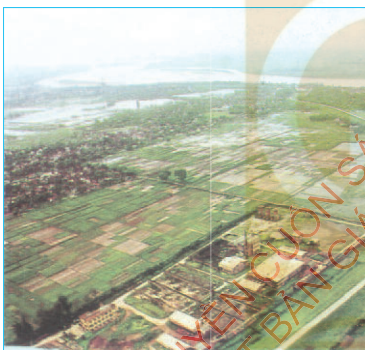
Bài 3 : QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HOÁ

Từ xa xưa, con người đã biết sống quây quần bên nhau để tạo nên sức mạnh nhằm khai thác và chế ngự tự nhiên. Các làng mạc và đô thị dần hình thành trên bề mặt Trái Đất.

1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

Có hai kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

- Quan sát hai ảnh dưới đây và dựa vào sự hiểu biết của mình, cho biết mật độ dân số, nhà cửa, đường sá ở nông thôn và thành thị có gì khác nhau ?



Hình 3.1 - Quang cảnh nông thôn



Hình 3.2 - Quang cảnh đô thị

Quần cư nông thôn là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp. Làng mạc, thôn xóm thường phân tán, gần với đất canh tác, đất đồng cỏ, đất rừng hay mặt nước.

Quần cư đô thị là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Nhà cửa tập trung với mật độ cao.

Lối sống nông thôn và lối sống đô thị cũng có những điểm khác biệt.

Trên thế giới, tỉ lệ người sống trong các đô thị ngày càng tăng trong khi tỉ lệ người sống ở nông thôn có xu hướng giảm dần.

2. Đô thị hoá. Các siêu đô thị

Các đô thị xuất hiện từ rất sớm trong thời Cổ đại. Vào thế kỉ XIX, đô thị phát triển nhanh ở các nước công nghiệp. Đến thế kỉ XX, đô thị đã xuất hiện rộng khắp trên thế giới. Vào thế kỉ XVIII, gần 5% dân số thế giới sống trong các đô thị. Năm 2001, con số đó đã lên tới 46% (gần 2,5 tỉ người). Dự kiến đến năm 2025, dân số đô thị sẽ là 5 tỉ người.

Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng, trở thành các siêu đô thị.

Năm 1950, trên thế giới chỉ có hai siêu đô thị là Niu I-ôc (12 triệu dân) và Luân Đôn (9 triệu dân). Trong những năm gần đây, số siêu đô thị trên thế giới tăng nhanh, nhất là ở các nước đang phát triển.



Hình 3.3 - Phân bố các siêu đô thị trên thế giới có từ 8 triệu dân trở lên (năm 2000)

- Đọc hình 3.3, cho biết :

+ Châu lục nào có nhiều siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên nhất ?

+ Tên của các siêu đô thị ở châu Á có từ 8 triệu dân trở lên.

Đô thị hoá là xu thế của thế giới ngày nay, nhưng quá trình phát triển tự phát của nhiều siêu đô thị và các đô thị mới cũng để lại những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, sức khoẻ, giao thông... của người dân đô thị.

Có hai kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

Ở nông thôn, mật độ dân số thường thấp, hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp. Ở đô thị, mật độ dân số rất cao, hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ.

Ngày nay, số người sống trong các đô thị đã chiếm khoảng một nửa dân số thế giới và có xu thế ngày càng tăng.

Câu hỏi và bài tập

- Nêu những sự khác nhau cơ bản giữa quần cư đô thị và quần cư nông thôn.
- Dựa vào bảng thống kê dưới đây, cho nhận xét về sự thay đổi số dân và thay đổi ngôi thứ của 10 siêu đô thị lớn nhất thế giới từ năm 1950 đến năm 2000. Các siêu đô thị này chủ yếu thuộc châu lục nào ?

(Đơn vị : triệu người)

Tên siêu đô thị	Số dân	Tên siêu đô thị	Số dân	Tên siêu đô thị	Số dân
1. Niu I-oóc (Bắc Mỹ)	12	1. Niu I-oóc (Bắc Mỹ)	20	1. Tô-ki-ô (châu Á)	27
2. Luân Đôn (châu Âu)	9	2. Tô-ki-ô (châu Á)	18	2. Niu I-oóc (Bắc Mỹ)	21
		3. Thượng Hải (châu Á)	12	3. Xao Pao-lô (Nam Mỹ)	16
		4. Mê-hi-cô Xi-ti (Bắc Mỹ)	12	4. Mê-hi-cô Xi-ti (Bắc Mỹ)	16
		5. Lốt An-giơ-let (Bắc Mỹ)	11	5. Mum-bai (châu Á)	15
		6. Xao Pao-lô (Nam Mỹ)	11	6. Thượng Hải (châu Á)	15
		7. Luân Đôn (châu Âu)	10	7. Bắc Kinh (châu Á)	13,2
		8. Bắc Kinh (châu Á)	9	8. Lốt An-giơ-let (Bắc Mỹ)	12
		9. Bu-ê-nôt Ai-ret (Nam Mỹ)	9	9. Côn-ca-ta (châu Á)	12
		10. Pa-ri (châu Âu)	9	10. Xơ-un (châu Á)	12

Bài 4 : THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

1. Quan sát hình 4.1, cho biết :

- Nơi có mật độ dân số cao nhất.
Mật độ là bao nhiêu ?

- Nơi có mật độ dân số thấp nhất.
Mật độ là bao nhiêu ?

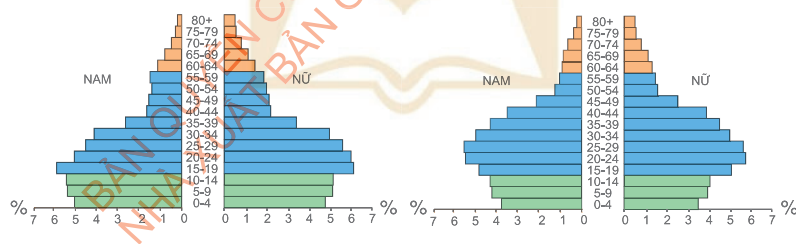
2. Quan sát tháp tuổi của Thành phố Hồ Chí Minh qua các cuộc tổng điều tra dân số năm 1989 và năm 1999, cho biết sau 10 năm :

- Hình dáng tháp tuổi có gì thay đổi ?

- Nhóm tuổi nào tăng về tỉ lệ ?
Nhóm tuổi nào giảm về tỉ lệ ?



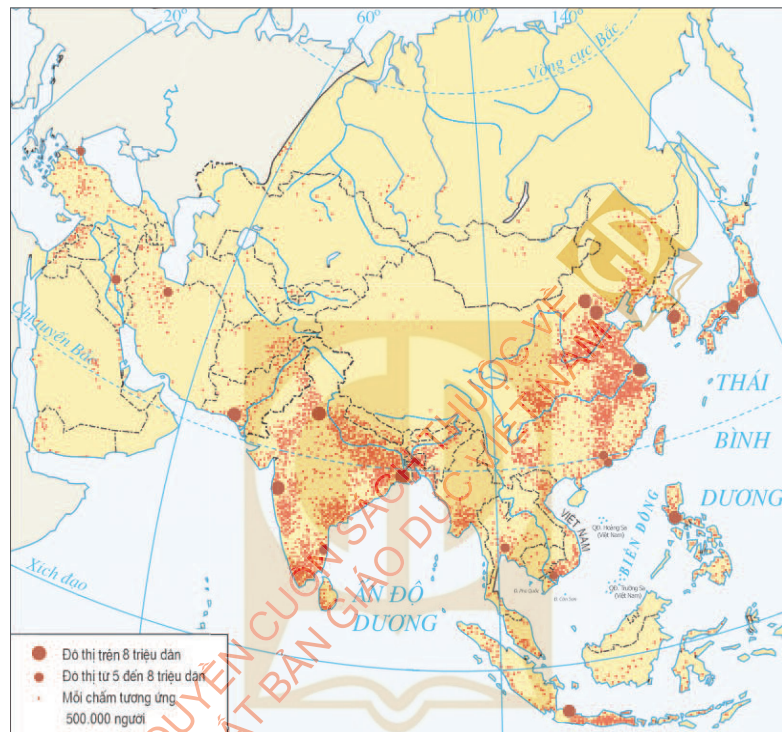
Hình 4.1 - Lược đồ mật độ dân số tỉnh Thái Bình (năm 2000)



Hình 4.2 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh
(01 - 4 - 1989)

Hình 4.3 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh
(01 - 4 - 1999)

3. Tìm trên lược đồ phân bố dân cư châu Á những khu vực tập trung đông dân. Các đô thị lớn ở châu Á thường phân bố ở đâu ?



Hình 4.4 - Lược đồ phân bố dân cư châu Á

Phần hai

CÁC MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÍ

Chương I

MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI NÓNG

Bài 5 : ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

Trên Trái Đất người ta chia thành : đới nóng, đới ôn hoà và đới lạnh.
Môi trường xích đạo ấm là môi trường thuộc đới nóng, có khí hậu nóng quanh năm và lượng mưa dồi dào. Thiên nhiên ở đây tạo điều kiện thuận lợi cho sự sống phát triển rất phong phú, đa dạng. Đây là nơi có diện tích rừng rậm xanh quanh năm rộng nhất thế giới.

I - ĐỚI NÓNG

Đới nóng nằm ở khoảng giữa hai chí tuyến, kéo dài liên tục từ Tây sang Đông thành một vành đai bao quanh Trái Đất, là nơi có nhiệt độ cao, Tín phong Đông Bắc và Tín phong Đông Nam thổi quanh năm từ hai dải cao áp chí tuyến về phía Xích đạo.

Đới nóng chiếm một phần khá lớn diện tích đất nổi trên Trái Đất, có giới thực, động vật hết sức đa dạng và phong phú. Có đến 70% số loài cây và chim, thú trên Trái Đất sinh sống ở rừng rậm đới nóng. Đây cũng là khu vực đông dân, tập trung nhiều nước đang phát triển trên thế giới.

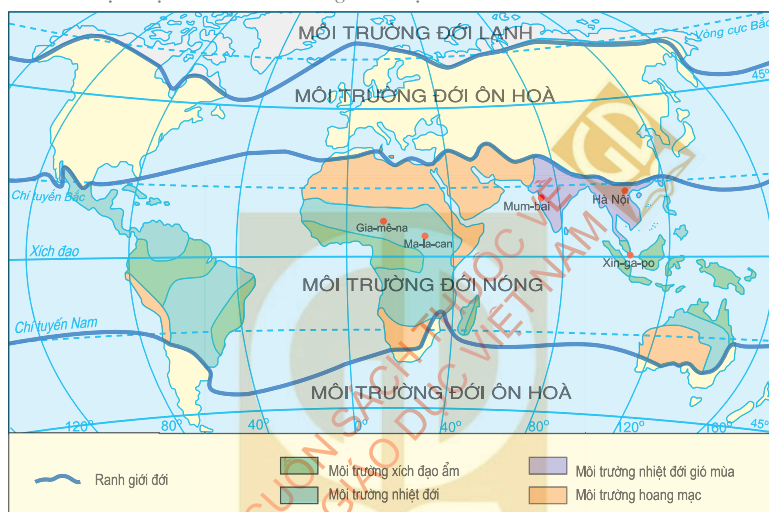
- Dựa vào hình 5.1, nêu tên các kiểu môi trường của đới nóng.

II - MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

1. Khí hậu

Môi trường xích đạo ẩm chủ yếu nằm trong khoảng từ 5°B đến 5°N.

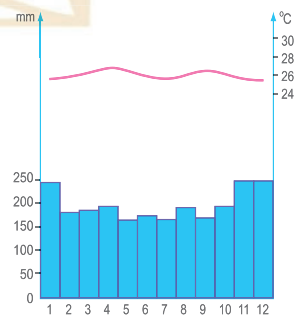
- Xác định vị trí của môi trường xích đạo ẩm trên hình 5.1.



Hình 5.1 - Lược đồ các kiểu môi trường trong đới nóng

- Quan sát biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Xin-ga-po (vĩ độ 1°B) và nhận xét :

- + Đường biểu diễn nhiệt độ trung bình các tháng trong năm cho thấy nhiệt độ của Xin-ga-po có đặc điểm gì ?
- + Lượng mưa cả năm khoảng bao nhiêu ? Sự phân bố lượng mưa trong năm ra sao ? Sự chênh lệch giữa lượng mưa tháng thấp nhất và tháng cao nhất là khoảng bao nhiêu milimet ?



Hình 5.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Xin-ga-po

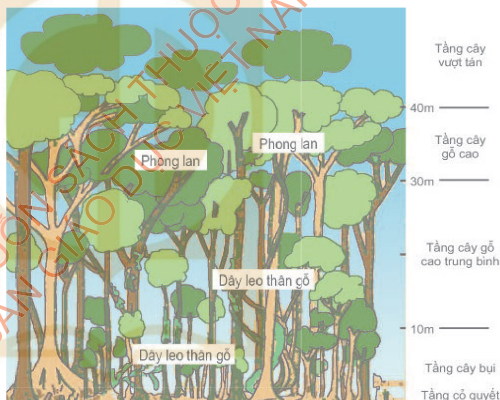
Môi trường xích đạo ẩm có khí hậu nóng và ẩm quanh năm. Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất rất nhỏ (khoảng 3°C), nhưng sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lại tới hơn 10°C. Lượng mưa trung bình năm từ 1500mm đến 2500mm, mưa quanh năm ; càng gần Xích đạo mưa càng nhiều. Độ ẩm cũng rất cao, trung bình trên 80%, nên không khí ẩm ướt, ngột ngạt.

2. Rừng rậm xanh quanh năm

- Quan sát ảnh và hình vẽ lát cắt rừng rậm xanh quanh năm, cho biết : Rừng có mấy tầng chính ? Tại sao rừng ở đây lại có nhiều tầng?



Hình 5.3 - Rừng rậm xanh quanh năm



Hình 5.4 - Lát cắt rừng rậm xanh quanh năm

Độ ẩm và nhiệt độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho rừng cây phát triển rậm rạp. Cây rừng xanh tốt quanh năm, mọc thành nhiều tầng từ mặt đất lên đến độ cao 40 - 50m. Trong rừng còn có các loại dây leo thân gỗ, phong lan, tầm gửi... , các loài thú leo trèo giỏi và các loài chim chuyển cành. Ở các vùng cửa sông, ven biển lầy bùn có rừng ngập mặn.



Hình 5.5 - Rừng ngập mặn

Đới nóng trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh Trái Đất ; gồm bốn kiểu môi trường : môi trường xích đạo ẩm, môi trường nhiệt đới, môi trường nhiệt đới gió mùa và môi trường hoang mạc.

Môi trường xích đạo ẩm nằm trong khoảng từ 5°B đến 5°N, nắng nóng và mưa nhiều quanh năm, tạo điều kiện thuận lợi cho rừng rậm xanh quanh năm phát triển. Rừng có nhiều loài cây, mọc thành nhiều tầng rậm rạp và có nhiều loài chim, thú sinh sống.

Câu hỏi và bài tập

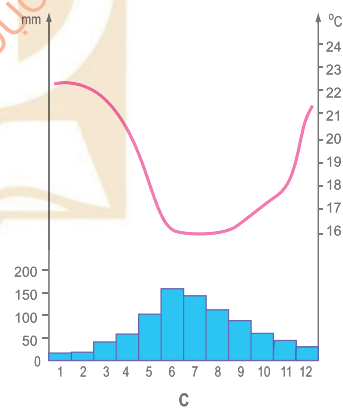
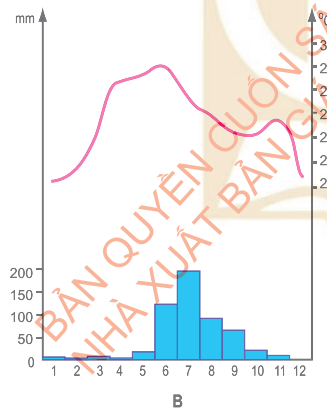
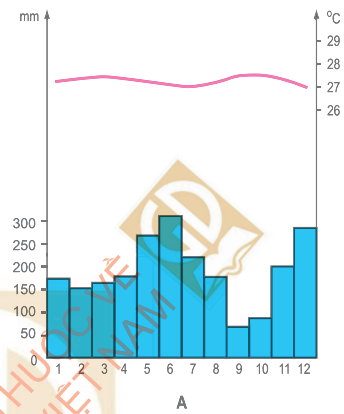
1. Môi trường đới nóng phân bố chủ yếu trong giới hạn của các vĩ tuyến nào ? Nêu tên các kiểu môi trường của đới nóng.
2. Môi trường xích đạo ẩm có những đặc điểm gì ?
3. Qua đoạn văn dưới đây, nêu một số đặc điểm của rừng rậm xanh quanh năm :

"Cả tuần nay, chúng tôi len lỏi trong rừng cây rậm rạp, phải dùng dao vất vả lắm mới mở được một lối đi nhỏ hẹp. Những con kiến càng rơi từ trên cành lá xuống để lại trên da thịt chúng tôi những vết cắn rất ngứa. Trên đầu, chung quanh và dưới chân, cây cối và dây leo bao quanh bốn phía. Chúng tôi chỉ có mỗi một khát khao cháy bỏng : được nhìn thấy trời xanh, mây trắng và thoát khỏi bầu không khí ngột ngạt, oi bức này".

(Theo Giô-xép Gơ-ly-ê)



4. Trong ba biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây, biểu đồ nào phù hợp với ảnh chụp cảnh rừng kèm theo ? Giải thích vì sao em chọn biểu đồ đó ?



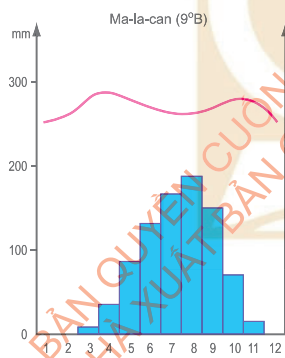
Bài 6 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

Môi trường nhiệt đới có khí hậu nóng, lượng mưa càng về gần các chí tuyến càng giảm dần. Khu vực nhiệt đới là một trong những nơi đông dân trên thế giới.

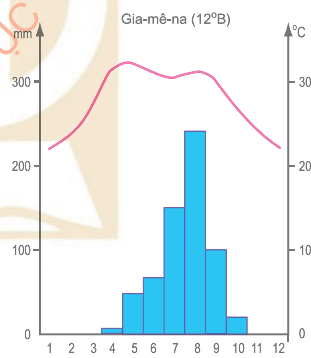
1. Khí hậu

Môi trường nhiệt đới nằm ở khoảng từ vĩ tuyến 5° đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.

- Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới trên hình 5.1.
- Quan sát các biểu đồ dưới đây, nhận xét về sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa trong năm của khí hậu nhiệt đới.



Hình 6.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Ma-la-can (Xu-đăng)



Hình 6.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Gia-mê-na (Sát)

Khí hậu nhiệt đới được đặc trưng bởi nhiệt độ cao quanh năm và trong năm có một thời kì khô hạn (từ 3 đến 9 tháng). Càng gần chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài, biên độ nhiệt càng lớn.

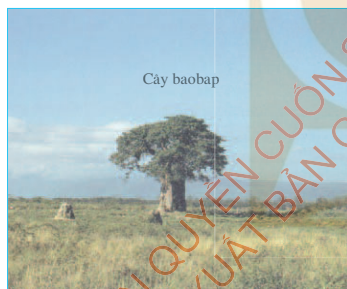
Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. Tuy nóng quanh năm, nhưng vẫn có sự thay đổi theo mùa. Thời kì nhiệt độ tăng cao là khoảng thời gian Mặt Trời đi qua thiên đỉnh.

Lượng mưa trung bình năm từ 500mm đến 1500mm, chủ yếu tập trung vào mùa mưa.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

Thiên nhiên của môi trường nhiệt đới thay đổi theo mùa. Vào mùa mưa, cây cỏ tốt tươi, chim thú linh hoạt ; đây cũng là mùa lũ của các con sông. Đến thời kì khô hạn, cây cỏ úa vàng, chim thú tìm về những nơi còn nguồn nước ; lượng nước sông giảm, lòng sông thu hẹp lại. Ở miền đồi núi, trong mùa mưa, nước mưa thấm sâu xuống các lớp đất đá bên dưới, đến mùa khô, nước lại di chuyển lên mang theo ôxit sắt, nhôm tích tụ dần ở gần mặt đất làm cho đất có màu đỏ vàng, gọi là đất feralit.

Đất ở môi trường nhiệt đới dễ bị xói mòn, rửa trôi hoặc thoái hoá nếu không được cây cối che phủ và canh tác không hợp lí.



Hình 6.3 - Xavan ở Kê-ni-a vào mùa mưa



Hình 6.4 - Xavan ở Cộng hoà Trung Phi vào mùa mưa

Thảm thực vật cũng thay đổi dần về phía hai chí tuyến, rừng thưa chuyển sang đồng cỏ cao nhiệt đới (xavan) và cuối cùng là những vùng cỏ mọc thưa thớt trên mặt đất cùng với vài đám cây bụi gai (nửa hoang mạc). Diện tích xavan và nửa hoang mạc ngày càng mở rộng, không chỉ do lượng mưa ít mà còn do con người phá rừng và cây bụi để lấy gỗ, củi hoặc làm nương rẫy. Đất bị thoái hoá dần và cây cối khó mọc lại được.



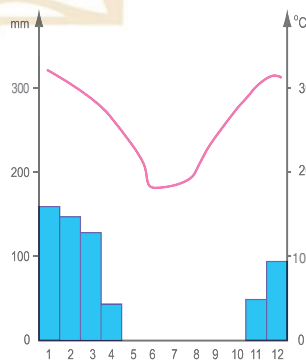
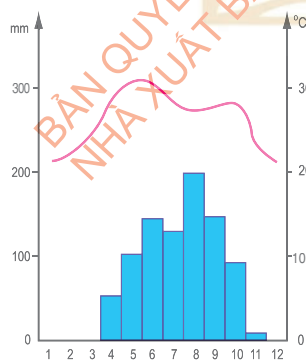
Môi trường nhiệt đới thích hợp cho việc trồng trọt nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp... Ở những nơi chủ động được tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp phát triển, dân cư tập trung đông đúc.

Khí hậu nhiệt đới có đặc điểm là nóng và lượng mưa tập trung vào một mùa. Càng gần hai chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài và biên độ nhiệt trong năm càng lớn. Quang cảnh cũng thay đổi từ rừng thưa sang đồng cỏ cao (xavan) và cuối cùng là nửa hoang mạc. Đất feralit đỏ vàng của miền nhiệt đới rất dễ bị xói mòn, rửa trôi nếu không được cây cối che phủ, canh tác không hợp lí. Sông ngòi nhiệt đới có hai mùa nước : mùa lũ và mùa cạn.

Ở vùng nhiệt đới có thể trồng được nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp. Đây là một trong những khu vực đông dân của thế giới.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới.
2. Giải thích tại sao đất ở vùng nhiệt đới có màu đỏ vàng ?
3. Tại sao diện tích xavan và nửa hoang mạc ở vùng nhiệt đới đang ngày càng mở rộng ?
4. Quan sát hai biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của vùng nhiệt đới dưới đây, cho biết biểu đồ nào ở Bắc bán cầu, biểu đồ nào ở Nam bán cầu. Tại sao ?



Bài 7 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

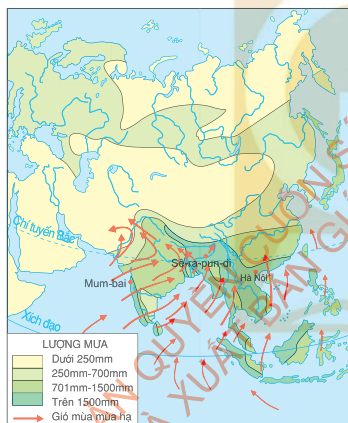
Trong đới nóng, có một khu vực tuy cùng vĩ độ với các môi trường nhiệt đới và hoang mạc nhưng thiên nhiên có nhiều nét đặc sắc, đó là vùng nhiệt đới gió mùa.

1. Khí hậu

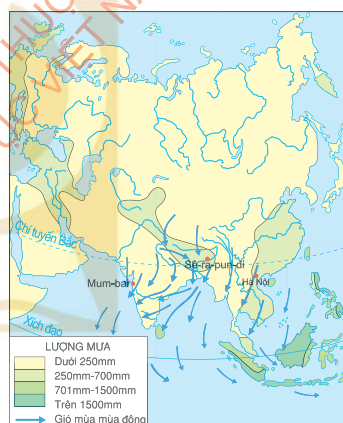
- Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới gió mùa trên hình 5.1.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa là loại khí hậu đặc sắc của đới nóng, điển hình là ở Nam Á và Đông Nam Á.

- Quan sát các hình 7.1 và 7.2, nhận xét về hướng gió thổi vào mùa hạ và vào mùa đông ở các khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Giải thích tại sao lượng mưa ở các khu vực này lại có sự chênh lệch rất lớn giữa mùa hạ và mùa đông.



Hình 7.1 - Lược đồ gió mùa mùa hạ ở Nam Á và Đông Nam Á

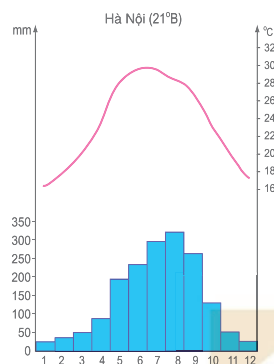


Hình 7.2 - Lược đồ gió mùa mùa đông ở Nam Á và Đông Nam Á

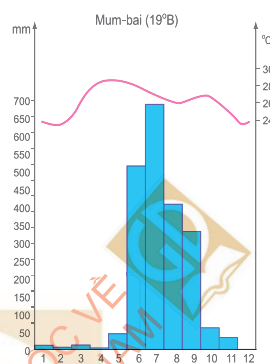
Ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á, mùa hạ có gió thổi từ Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương tới, đem theo không khí mát mẻ và mưa lớn. Vào mùa đông, gió mùa thổi từ lục địa châu Á ra, đem theo không khí khô và lạnh. Càng về gần Xích đạo, gió ấm dần lên. Gió mùa mùa đông thổi thành từng đợt. Mỗi khi gió về, ở những vùng gần chí tuyến trời trở lạnh trong vài ba ngày, đôi khi kéo dài đến hàng tuần. Mùa đông ở Hà Nội, nhiệt độ có thể xuống dưới 10°C trong vài ngày.



- Quan sát các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội và Mum-bai (Ấn Độ), qua đó nêu nhận xét về diễn biến nhiệt độ, lượng mưa trong năm của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Diễn biến nhiệt độ trong năm ở Hà Nội có gì khác ở Mum-bai ?



Hình 7.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội



Hình 7.4 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Mum-bai (Ấn Độ)

Khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai đặc điểm nổi bật : nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường.

Nhiệt độ trung bình năm ở đây trên 20°C. Biên độ nhiệt trung bình năm khoảng 8°C.

Lượng mưa trung bình năm trên 1000 mm nhưng thay đổi tùy thuộc vào vị trí gần biển hay xa biển, vào sườn núi đón gió hay khuất gió. Sê-ra-pun-di nằm ở sườn phía nam dãy Hi-ma-lay-a là nơi có lượng mưa trung bình cao nhất thế giới (12.000 mm). Mùa mưa (từ tháng V đến tháng X) tập trung từ 70% đến 95% lượng mưa cả năm. Mùa khô (từ tháng XI đến tháng IV), lượng mưa tuy ít nhưng vẫn đủ cho cây cối sinh trưởng.

Thời tiết diễn biến thất thường. Mùa mưa có năm đến sớm, có năm đến muộn và lượng mưa có năm ít, năm nhiều nên dễ gây ra hạn hán hay lụt lội.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

Môi trường nhiệt đới gió mùa là môi trường đa dạng và phong phú của đới nóng.

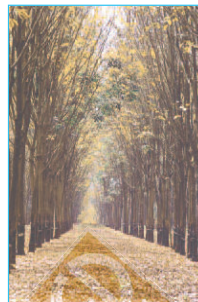
Nhịp điệu mùa có ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người trong khu vực.



- Nhận xét về sự thay đổi của cảnh sắc thiên nhiên qua hai ảnh dưới đây.



Hình 7.5 - Rừng cao su vào mùa mưa



Hình 7.6 - Rừng cao su vào mùa khô

Tùy thuộc vào lượng mưa và sự phân bố mưa trong năm mà có các thảm thực vật khác nhau. Ở những nơi mưa nhiều, rừng cũng có nhiều tầng nhưng không bằng rừng rậm xanh quanh năm; trong rừng có một số cây rụng lá vào mùa khô. Những nơi ít mưa có đồng cỏ cao nhiệt đới. Ở vùng cửa sông, ven biển đang được phù sa bồi đắp, xuất hiện rừng ngập mặn. Đó là những môi trường sống thuận lợi cho nhiều loài động vật khác nhau, cả ở trên cạn và dưới nước.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa rất thích hợp cho việc trồng cây lương thực nhiệt đới (đặc biệt là cây lúa nước) và cây công nghiệp. Vùng nhiệt đới gió mùa là một trong những nơi tập trung đông dân nhất trên thế giới.

Nam Á và Đông Nam Á là các khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa. Khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai đặc điểm nổi bật là nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường. Đây là kiểu môi trường đa dạng và phong phú. Gió mùa có ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người.

Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực thích hợp cho việc trồng cây lương thực (đặc biệt là cây lúa nước) và cây công nghiệp; đây là những nơi sớm tập trung đông dân trên thế giới.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu đặc điểm nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa.
2. Trình bày sự đa dạng của môi trường nhiệt đới gió mùa.

Bài 8 : CÁC HÌNH THỨC CANH TÁC TRONG NÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI NÓNG

Đới nóng là khu vực phát triển nông nghiệp sớm nhất của nhân loại. Ở đây có nhiều hình thức canh tác khác nhau, phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu và tập quán sản xuất của từng địa phương.

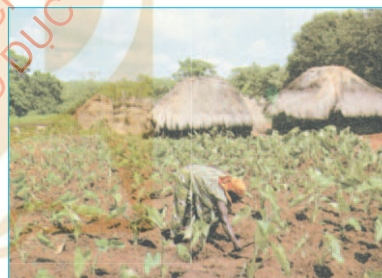
1. Làm nương rẫy

Làm nương rẫy là hình thức canh tác nông nghiệp lâu đời nhất của xã hội loài người. Rừng hay xavan bị đốt để làm nương rẫy. Đất bị khai thác triệt để. Sau vài ba vụ, đất bạc màu, người ta lại đốt rừng để làm nương rẫy mới. Hình thức canh tác này sử dụng công cụ thô sơ, ít chăm bón, nên năng suất cây trồng rất thấp.

- Qua các ảnh dưới đây, nêu một số biểu hiện cho thấy sự lạc hậu của hình thức sản xuất nương rẫy.



Hình 8.1 - Đốt rừng làm nương rẫy



Hình 8.2 - Rẫy khoai sọ trên xavan châu Phi

2. Làm ruộng, thâm canh lúa nước

Trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, ở những nơi có nguồn lao động dồi dào và chủ động tưới tiêu, người ta làm ruộng, thâm canh lúa nước.

- Quan sát hình 8.4, nêu một số điều kiện về nhiệt độ và lượng mưa để tiến hành thâm canh lúa nước.



Hình 8.3 - Lược đồ những khu vực thâm canh lúa nước ở châu Á

Thâm canh lúa cho phép tăng vụ, tăng năng suất, nhờ đó sản lượng cũng tăng lên. Chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng có điều kiện phát triển. Tuy nhiên, vì dân số đông và thời tiết thất thường nên một số nước vẫn lâm vào tình trạng thiếu lương thực.

Do áp dụng những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật và có chính sách nông nghiệp đúng đắn, một số nước trước đây thiếu lương thực (như Việt Nam, Thái Lan) nay đã trở thành những nước xuất khẩu gạo. Nhờ cuộc Cách mạng xanh mà ngay một nước đông dân như Ấn Độ cũng đã giải quyết được vấn đề lương thực.

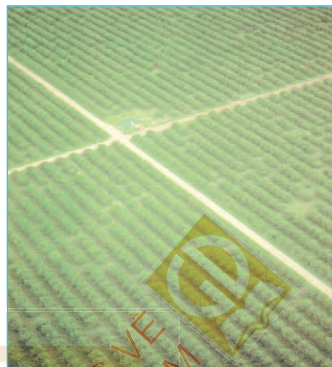


Hình 8.4 - Cảnh đồng trồng lúa nước

3. Sản xuất nông sản hàng hoá theo quy mô lớn

Ở các trang trại, đồn điền trong đới nóng, người ta tiến hành trồng trọt cây công nghiệp và chăn nuôi chuyên môn hoá theo quy mô lớn nhằm mục đích xuất khẩu hoặc cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

Hình thức canh tác này tạo ra khối lượng nông sản hàng hoá lớn và có giá trị cao, tuy nhiên phải bám sát nhu cầu của thị trường.

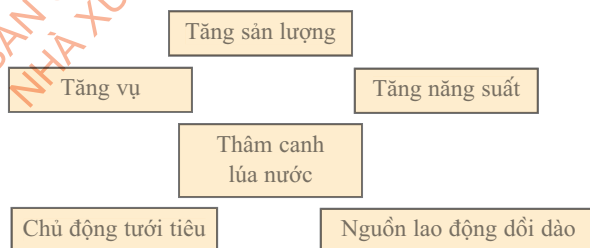


Hình 8.5 - Đồn điền trồng hồ tiêu ở Nam Mỹ

Đới nóng là nơi tiến hành sản xuất nông nghiệp sớm nhất trên thế giới. Ở đây có nhiều hình thức canh tác trong nông nghiệp : từ làm rẫy, thâm canh lúa nước đến sản xuất nông sản hàng hoá theo quy mô lớn. Việc áp dụng những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật và các chính sách nông nghiệp đúng đắn đã giúp nhiều nước giải quyết được nạn đói. Một số nước đã xuất khẩu lương thực (Việt Nam, Thái Lan...).

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy nêu sự khác nhau của các hình thức canh tác nông nghiệp ở đới nóng.
2. Sắp xếp những dữ liệu cho dưới đây và vẽ vào vở sơ đồ thâm canh lúa nước.





3. Quan sát các hình 8.6 và 8.7, cho biết : Làm ruộng bậc thang và canh tác theo đường đồng mức ở vùng đồi núi có ý nghĩa như thế nào đối với môi trường ?



Hình 8.6 - Trồng lúa nước trên ruộng bậc thang ở vùng đồi núi châu Á



Hình 8.7 - Trồng ngô (bắp) và khoai tây theo đường đồng mức ở vùng đồi núi Nam Mỹ



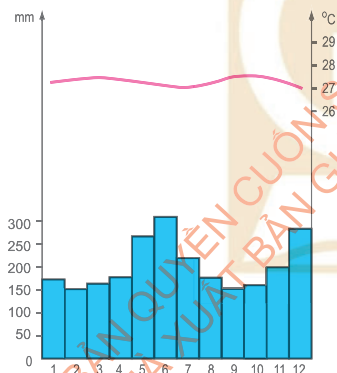
Bài 9 : HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI NÓNG

1. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp

Môi trường đới nóng phân hoá đa dạng, làm cho hoạt động nông nghiệp ở vùng nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa và vùng xích đạo có các đặc điểm khác nhau.

Ở môi trường xích đạo ẩm, nhiệt độ và độ ẩm cao, rất thích hợp với sản xuất nông nghiệp. Cây trồng phát triển quanh năm, có thể trồng gối vụ, xen canh nhiều loại cây. Tuy vậy, khí hậu nóng ẩm lại tạo điều kiện cho các loại côn trùng, sâu bọ, mầm bệnh phát triển, gây hại cho cây trồng và vật nuôi.

- Quan sát hình 9.1 và hình 9.2, nêu nguyên nhân dẫn đến xói mòn đất ở môi trường xích đạo ẩm.



Hình 9.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở môi trường xích đạo ẩm



Hình 9.2 - Đất bị xói mòn

Nhiệt độ và độ ẩm đều cao tuy làm cho các chất hữu cơ bị phân huỷ nhanh nhưng tầng mùn ở môi trường xích đạo ẩm thường không dày. Nếu không có thực vật che phủ, thì lớp đất màu dễ bị nước mưa rửa trôi hết, đặc biệt là ở các sườn dốc của đồi, núi. Vì thế việc bảo vệ rừng và trồng rừng là hết sức cần thiết.



Ở môi trường nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa, việc bố trí mùa vụ và lựa chọn các loại cây trồng bị chi phối bởi lượng mưa và chế độ mưa trong năm.

- Tìm ví dụ để thấy ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới và khí hậu nhiệt đới gió mùa đến sản xuất nông nghiệp.

Lượng mưa tập trung vào một mùa làm tăng cường xói mòn đất và gây lũ lụt. Mùa khô kéo dài, lượng bốc hơi lớn lại dễ gây hạn hán. Thêm vào đó, việc canh tác không khoa học cũng làm đất bị thoái hoá nhanh. Vì thế, ở vùng nhiệt đới, hoang mạc đang mở rộng.

Làm thủy lợi và trồng cây che phủ đất là các biện pháp rất quan trọng. Việc đảm bảo tính chất thời vụ chặt chẽ, có biện pháp phòng chống thiên tai (bão, lụt, hạn hán) và phòng trừ dịch bệnh hại cây trồng, vật nuôi sẽ giúp cho nền nông nghiệp giảm bớt tính chất bấp bênh.

2. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu

Ở các đồng bằng của vùng nhiệt đới gió mùa, nhất là ở châu Á, lúa nước là cây lương thực quan trọng nhất. Ở những vùng đủ ẩm, ngô được trồng rất phổ biến. Các loại cây lương thực lấy củ, chủ yếu là sắn trồng ở vùng đồi núi và khoai lang trồng ở vùng đồng bằng.

- Tại sao các vùng trồng lúa nước lại thường trùng với những vùng đông dân bậc nhất trên thế giới ?

Ở các vùng nhiệt đới khô hạn của châu Phi, người ta trồng cây cao lương là chủ yếu.

Các cây công nghiệp nhiệt đới rất phong phú. Một số cây công nghiệp được trồng thành vùng tập trung là : cà phê (Nam Mỹ, Tây Phi, Đông Nam Á), cao su (Đông Nam Á), dừa (các nước ven biển, nhất là ở Đông Nam Á), bông (Nam Á), mía (Nam Mỹ), lạc (vùng nhiệt đới ẩm Nam Mỹ, Tây Phi, Nam Á)...

Chăn nuôi ở đới nóng nói chung chưa phát triển bằng trồng trọt. Hình thức chăn thả dê, cừu, trâu, bò trên đồng cỏ còn phổ biến. Cừu, dê được nuôi ở các vùng khô hạn hoặc các vùng núi. Những nơi có đồng cỏ, phát triển chăn nuôi trâu, bò. Ấn Độ là nước có đàn trâu và đàn bò lớn nhất thế giới.

Chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung chủ yếu ở các vùng trồng nhiều ngũ cốc (lúa, ngô...) và đông dân cư.



Ở đới nóng, việc trồng trọt được tiến hành quanh năm ; có thể xen canh nhiều loại cây, nếu có đủ nước tưới. Trong điều kiện khí hậu nóng, mưa nhiều hoặc mưa tập trung theo mùa, đất dễ bị rửa trôi, xói mòn. Vì vậy, cần bảo vệ rừng, trồng cây che phủ đất và làm thủy lợi.

Các cây trồng chủ yếu là lúa nước, các loại ngũ cốc khác và nhiều cây công nghiệp nhiệt đới có giá trị xuất khẩu cao. Chăn nuôi nói chung chưa phát triển bằng trồng trọt.

Câu hỏi và bài tập

1. Môi trường xích đạo ẩm có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sản xuất nông nghiệp ?
2. Để khắc phục những khó khăn do khí hậu nhiệt đới gió mùa gây ra, trong sản xuất nông nghiệp cần thực hiện những biện pháp chủ yếu nào ?
3. Hãy dựa vào các hình vẽ dưới đây để nêu quá trình thoái hoá đất do đốt rừng làm nương rẫy ở môi trường đới nóng.



A



B



C



D

Hình 9.4 - Quá trình thoái hoá đất ở đới nóng do đốt rừng làm nương rẫy

4. Nêu các loại nông sản chính của đới nóng. Xác định trên bản đồ thế giới, các nước và các khu vực ở đới nóng sản xuất nhiều các loại nông sản đó.

Bài 10 : DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

Đới nóng tập trung gần một nửa dân số thế giới nhưng kinh tế còn chậm phát triển. Dân cư tập trung quá đông vào một số khu vực đã dẫn tới những vấn đề lớn về môi trường. Việc giải quyết mối quan hệ giữa dân cư và môi trường ở đây phải gắn chặt với sự phát triển kinh tế - xã hội.

1. Dân số

Gần 50% dân số thế giới tập trung ở đới nóng, những nơi tập trung dân cư đông đúc là Đông Nam Á, Nam Á, Tây Phi và Đông Nam Bra-xin. Hậu quả của nhiều năm dài bị thực dân xâm chiếm là nền kinh tế chậm phát triển. Châu Phi là châu lục nghèo đói nhất trên thế giới.

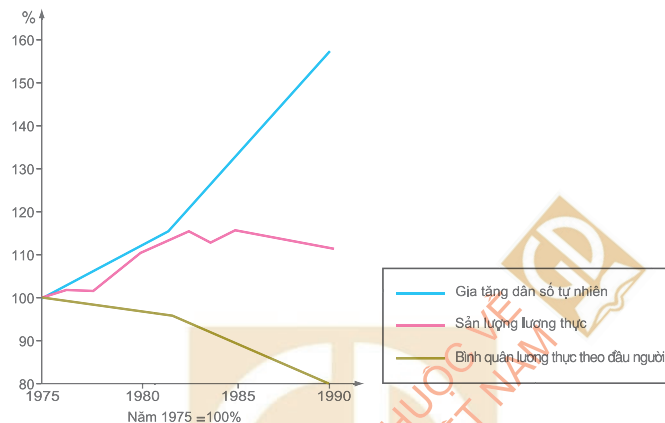
Từ những năm 60 của thế kỉ XX, nhiều nước ở đới nóng đã lần lượt giành được độc lập. Cũng từ đó, dân số ở đới nóng phát triển rất nhanh dẫn đến bùng nổ dân số. Sự gia tăng dân số vượt ngoài tầm kiểm soát đã trở thành một vấn đề lớn của nhiều nước, đưa đến những hậu quả nghiêm trọng đối với việc phát triển kinh tế, đời sống con người và tài nguyên, môi trường.

Hiện nay, việc kiểm soát tỉ lệ gia tăng dân số đang là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia ở đới nóng.

2. Sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường

Nhằm đáp ứng nhu cầu của số dân ngày càng đông, tài nguyên thiên nhiên được khai thác với tốc độ ngày càng nhanh. Lương thực thiếu hụt nên phải mở rộng diện tích đất canh tác, đồng thời nhu cầu sử dụng gỗ, củi tăng lên, làm cho diện tích rừng ngày càng thu hẹp. Đất trồng được tận dụng để sản xuất nông phẩm nhưng lại không được chăm bón đầy đủ nên ngày càng bạc màu. Việc tăng cường khai thác và xuất khẩu các loại nguyên liệu, nhiên liệu thô để đổi lấy lương thực và hàng tiêu dùng đã làm nhiều loại khoáng sản nhanh chóng bị cạn kiệt. Việc mở rộng các khu công nghiệp, các đô thị mới, ... đang làm thu hẹp diện tích đất trồng.

- Phân tích hình 10.1 để thấy mối quan hệ giữa sự gia tăng dân số tự nhiên quá nhanh với tình trạng thiếu lương thực ở châu Phi.



Hình 10.1 - Biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số và lương thực ở châu Phi từ năm 1975 đến năm 1990

- Đọc bảng số liệu dưới đây, nhận xét về tương quan giữa dân số và diện tích rừng ở khu vực Đông Nam Á.

Bùng nổ dân số cũng ảnh hưởng xấu tới môi trường của đới nóng. Điều kiện sống thấp ở vùng nông thôn hay trong những khu nhà ổ chuột ở thành phố là những tác nhân làm cho môi trường bị ô nhiễm. Hơn 700 triệu người dân đới nóng không được dùng nước sạch, khoảng 80% số người mắc bệnh là do thiếu nước sạch. Việc khai thác tài nguyên quá mức để phục vụ cho số dân đông cũng làm môi trường bị tàn phá.

- Nêu một vài dẫn chứng để thấy rõ sự khai thác rừng quá mức sẽ có tác động xấu tới môi trường.

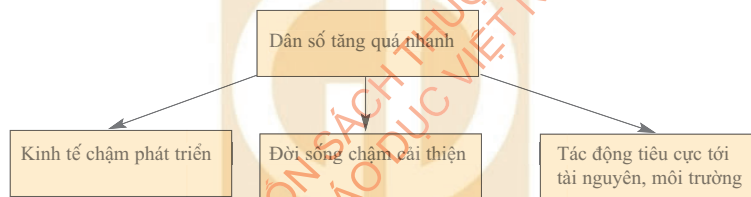


Để giảm bớt sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng, cần giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của người dân.

Đới nóng tập trung gần một nửa dân số thế giới. Dân số tăng nhanh dẫn tới bùng nổ dân số, tác động tiêu cực tới tài nguyên và môi trường. Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân ở đới nóng sẽ có tác động tích cực tới tài nguyên và môi trường.

Câu hỏi và bài tập

1. Phân tích sơ đồ dưới đây để thấy hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng :



2. Hãy vẽ sơ đồ thể hiện tác động tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng đối với tài nguyên, môi trường.





Bài 11 : DI DÂN VÀ SỰ BÙNG NỔ ĐÔ THỊ Ở ĐỚI NÓNG

Đời sống khó khăn làm xuất hiện các luồng di dân. Sự di dân đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá diễn ra rất nhanh. Đô thị hoá tự phát đang đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội và môi trường ở đới nóng.

1. Sự di dân

Di dân ở các nước thuộc đới nóng diễn ra do nhiều nhân tố tác động : thiên tai, chiến tranh, kinh tế chậm phát triển, sự nghèo đói và thiếu việc làm... Tình trạng di dân ở đây rất đa dạng và phức tạp.

Ở nhiều nước đới nóng, cũng là các nước đang phát triển, làn sóng nông dân di cư tự do vào đô thị tìm kiếm việc làm (vì thu nhập ở vùng nông thôn quá thấp) đã làm cho dân số đô thị tăng nhanh, tạo sức ép lớn đối với vấn đề việc làm và môi trường đô thị.

Hạn hán thường xuyên và các cuộc xung đột tộc người không dứt là những nguyên nhân dẫn đến việc di dân tị nạn rất phổ biến ở nhiều nước châu Phi. Tình trạng này cũng diễn ra với quy mô lớn ở nhiều nước Nam Á và Tây Nam Á.

Tuy nhiên, nhiều nước đới nóng cũng tiến hành di dân có tổ chức, có kế hoạch để khai hoang, lập đồn điền trồng cây xuất khẩu, để xây dựng các công trình công nghiệp mới, phát triển kinh tế ở các vùng núi hay vùng ven biển. Những cuộc di dân như vậy có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đô thị hóa

Trong những năm gần đây, đới nóng là nơi có tốc độ đô thị hoá cao trên thế giới.

Nhiều thành phố phát triển nhanh chóng và trở thành các siêu đô thị. Năm 1950, đới nóng chưa có đô thị nào tới 4 triệu dân ; đến năm 2000 đã có 11 siêu đô thị trên 8 triệu dân.





- Quan sát hình 3.3, nêu tên các siêu đô thị có trên 8 triệu dân ở đới nóng.



Hình 11.1 - Xin-ga-po, thành phố sạch nhất thế giới



Hình 11.2 - Khu nhà ổ chuột ở Ấn Độ

Từ năm 1989 đến năm 2000, dân số đô thị ở đới nóng đã tăng lên gấp đôi. Với đà phát triển kinh tế và gia tăng dân số như hiện nay, trong vòng vài chục năm nữa tổng số dân đô thị của các nước thuộc đới nóng sẽ gấp hai lần tổng số dân đô thị của các nước thuộc đới ôn hòa.

Sự di dân tự do đến các thành phố lớn làm cho số dân đô thị tăng quá nhanh đã dẫn đến những hậu quả nặng nề.

- Nêu những tác động xấu tới môi trường do đô thị hoá tự phát ở đới nóng gây ra.

Ngày nay, nhiều nước ở đới nóng đã thấy được sự cần thiết phải tiến hành đô thị hoá gắn liền với phát triển kinh tế và phân bố dân cư hợp lí.

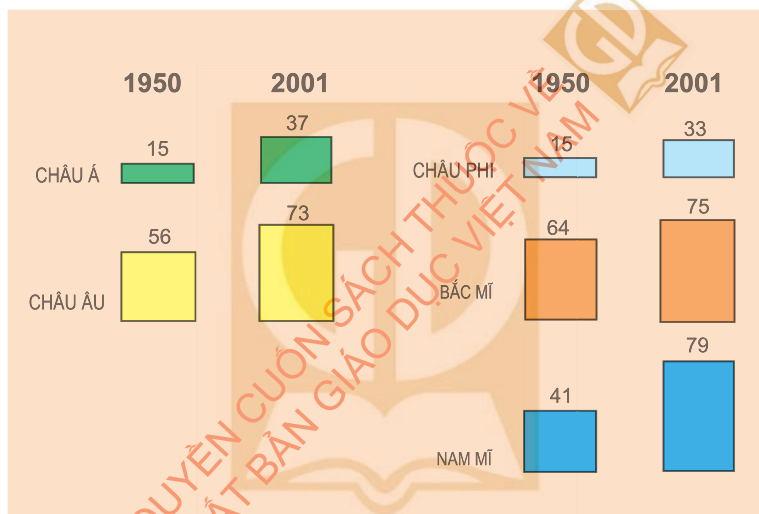
Đới nóng là nơi có sự di dân và tốc độ đô thị hoá cao. Tỷ lệ dân thành thị tăng nhanh và số siêu đô thị ngày càng nhiều. Tuy nhiên, đô thị hoá tự phát đã để lại những hậu quả xấu cho môi trường.



Câu hỏi và bài tập

1. Nêu những nguyên nhân dẫn đến các làn sóng di dân ở đới nóng.
2. Kể tên một số siêu đô thị ở đới nóng.
3. Dựa vào hình 11.3, nhận xét về tốc độ tăng tỉ lệ dân đô thị ở một số nơi trên thế giới.

TỈ LỆ DÂN ĐÔ THỊ (% DÂN SỐ)

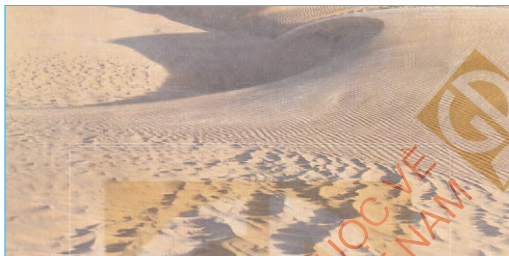


Hình 11.3 - Biểu đồ tỉ lệ dân đô thị

Bài 12 : THỰC HÀNH

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG

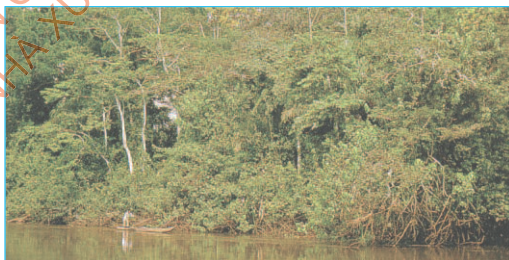
1. Có ba ảnh về các kiểu môi trường đới nóng, xác định từng ảnh thuộc kiểu môi trường nào ?



A - Xa-ha-ra

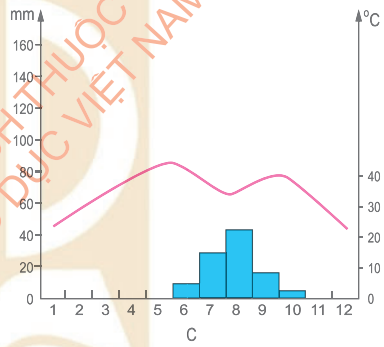
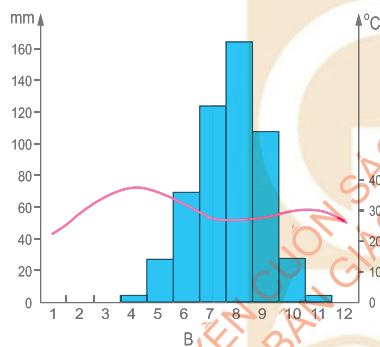
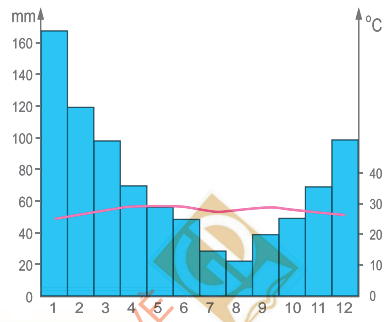


B - Công viên quốc gia Se-ran-gat (Tan-da-ni-a)

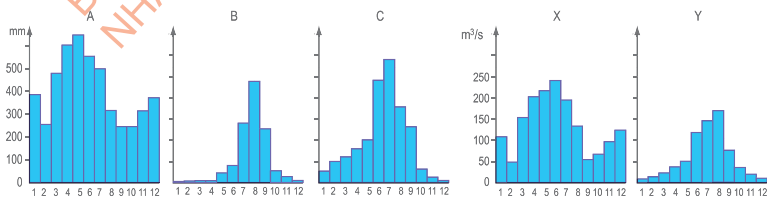


C - Bắc Công-gô

2. Trong ba biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây, hãy chọn biểu đồ phù hợp với ảnh xavan kèm theo.

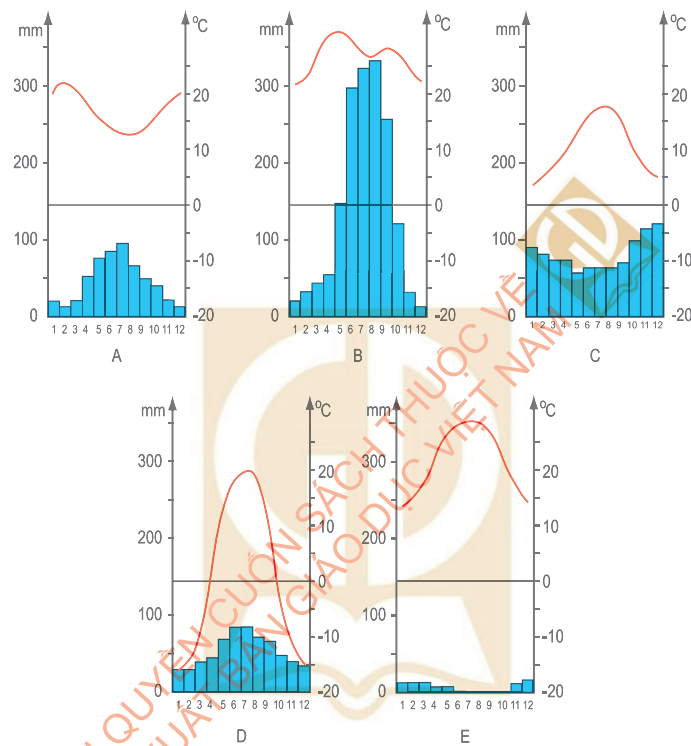


3. Có ba biểu đồ lượng mưa (A - B - C) và hai biểu đồ lưu lượng nước của các con sông (X - Y), hãy chọn và sắp xếp thành hai cặp sao cho phù hợp.





4. Quan sát các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây để chọn ra một biểu đồ thuộc đới nóng. Cho biết lí do chọn.





Chương II

MÔI TRƯỜNG ĐỐI ÔN HOÀ. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỐI ÔN HOÀ

Bài 13 : MÔI TRƯỜNG ĐỐI ÔN HOÀ

Đối ôn hoà chiếm một nửa diện tích đất nổi trên Trái Đất. Với vị trí trung gian, môi trường đối ôn hoà có những nét khác biệt với các môi trường khác và hết sức đa dạng.

Đối ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh, khoảng từ chí tuyến đến vòng cực ở cả hai bán cầu. Phần lớn diện tích đất nổi của đới nằm ở bán cầu Bắc, chỉ có một phần nhỏ ở bán cầu Nam.

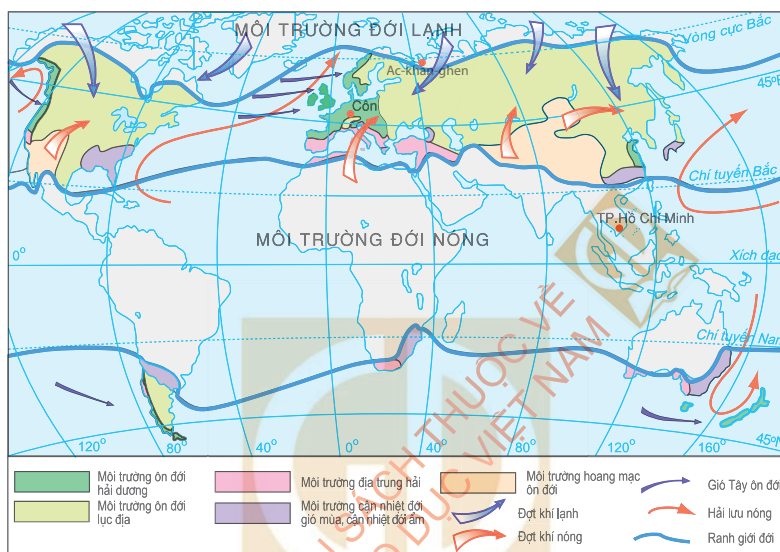
1. Khí hậu

Khí hậu đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa khí hậu đới nóng và khí hậu đới lạnh.

- Phân tích bảng số liệu dưới đây để thấy tính chất trung gian của khí hậu đới ôn hoà.



- Quan sát hình 13.1, phân tích những yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hoà.

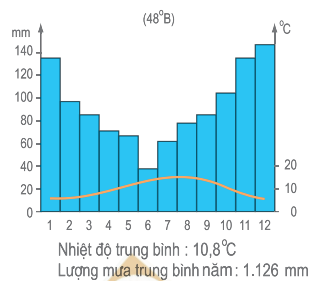


Hình 13.1 - Lược đồ những yếu tố gây biến động thời tiết ở đới ôn hoà

Do vị trí trung gian nên thời tiết đới ôn hoà thay đổi thất thường. Các đợt khí nóng ở chí tuyến và các đợt khí lạnh ở vùng cực có thể tràn tới bất thường gây ra những đợt nóng hay lạnh, có tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của con người, đặc biệt là những vùng ở sâu trong nội địa. Ở phía đông của Hoa Kỳ, mỗi khi có đợt khí nóng hay đợt khí lạnh tràn đến, nhiệt độ có thể tăng hay giảm $10^{\circ}\text{C} \sim 15^{\circ}\text{C}$ trong vài giờ. Gió Tây ôn đới và các khối khí từ đại dương mang theo không khí ẩm và ẩm vào đất liền cũng làm cho thời tiết đới ôn hoà luôn biến động, rất khó dự báo trước.



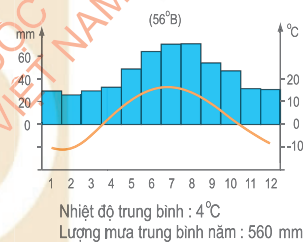
Hình 13.2 - Rừng lá rộng ở Tây Âu



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ôn đới hải dương



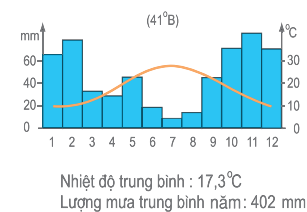
Hình 13.3 - Rừng lá kim (rừng taiga) ở Liên bang Nga



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ôn đới lục địa



Hình 13.4 - Rừng cây bụi gai ven Địa Trung Hải ở Pháp



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ven Địa Trung Hải



2. Sự phân hoá của môi trường

Thiên nhiên đới ôn hoà thay đổi theo bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

Môi trường đới ôn hoà cũng thay đổi từ vùng này sang vùng khác tùy thuộc vào vĩ độ, vào ảnh hưởng của dòng biển và gió Tây ôn đới.

- *Quan sát hình 13.1 :*

+ *Nêu tên và xác định vị trí của các kiểu môi trường ở đới ôn hoà.*

+ *Nêu vai trò của dòng biển nóng và gió Tây ôn đới đối với khí hậu ở đới ôn hoà.*

Bờ Tây lục địa chịu ảnh hưởng của dòng biển nóng và gió Tây ôn đới nên có môi trường đới ôn hoà hải dương : ẩm ướt quanh năm, mùa hạ mát mẻ, mùa đông không lạnh lắm. Càng vào sâu trong đất liền, tính chất lục địa càng rõ nét : lượng mưa giảm dần, mùa đông lạnh và tuyết rơi nhiều, mùa hạ nóng. Thảm thực vật thay đổi dần từ tây sang đông : rừng lá rộng chuyển sang rừng hỗn giao và cuối cùng là rừng lá kim.

Ở vĩ độ cao, mùa đông rất lạnh và kéo dài, mùa hạ ngắn. Gần chí tuyến có môi trường địa trung hải : mùa hạ nóng và khô, mùa đông ẩm áp, mưa vào mùa thu - đông. Thảm thực vật cũng thay đổi từ bắc xuống nam : rừng lá kim chuyển sang rừng hỗn giao rồi tới thảo nguyên và rừng cây bụi gai.

Đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh, thời tiết thay đổi thất thường.

Thiên nhiên đới ôn hoà có sự thay đổi rõ rệt theo thời gian và theo không gian. Một năm chia thành bốn mùa rõ rệt : xuân, hạ, thu, đông. Các kiểu môi trường cũng thay đổi từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Tính chất trung gian của khí hậu và thất thường của thời tiết ở đới ôn hoà thể hiện như thế nào ?
2. Trình bày sự phân hoá của môi trường đới ôn hoà.



Bài 14 : HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP Ở ĐỐI ƠN HOÀ

Nhìn chung, đối ƠN hoà có nền nông nghiệp tiên tiến. Những khó khăn về thời tiết, khí hậu đã và đang được khắc phục nhờ sự tiến bộ của khoa học - kĩ thuật, giúp cho nông nghiệp ở đây phát triển hơn ở đối nóng.

1. Nền nông nghiệp tiên tiến

Tổ chức sản xuất nông nghiệp ở đối ƠN hoà có hai hình thức chính : hộ gia đình và trang trại. Hai hình thức này tuy quy mô khác nhau nhưng đều có trình độ sản xuất tiên tiến và sử dụng nhiều dịch vụ nông nghiệp.



Hình 14.1 - Quang cảnh đồng ruộng ở I-ta-li-a



Hình 14.2 - Quang cảnh đồng ruộng ở Hoa Kỳ

Việc áp dụng những thành tựu kĩ thuật được đặc biệt quan tâm trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh cùng các phương pháp tưới tiêu khoa học đã cung cấp đủ nước cho đồng ruộng. Các nhà kính đảm bảo cho cây trồng vẫn phát triển ngay trong mùa đông giá lạnh. Ven bờ ruộng, các hàng cây được trồng để chắn những đợt gió mạnh và giữ nước cho cây trồng. Các luống rau được che phủ bằng tấm nhựa trong để chống sương giá và mưa đá... Nhờ trình độ kĩ thuật tiên tiến, người ta đã lai tạo được các giống gia súc, cây trồng có năng suất cao và thích nghi được với những bất lợi của thời tiết, khí hậu...



- Quan sát các ảnh dưới đây, nêu một số biện pháp khoa học - kĩ thuật được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở đới ôn hoà.



Hình 14.3 - Hệ thống kênh mương thủy lợi trên đồng ruộng



Hình 14.4 - Hệ thống tưới tự động xoay tròn



Hình 14.5 - Hệ thống tưới tự động phun sương

Nền nông nghiệp ở đới ôn hoà được tổ chức theo kiểu công nghiệp, sản xuất được chuyên môn hoá với quy mô lớn, các thành tựu kĩ thuật tiên tiến được áp dụng rộng rãi, đặc biệt là tuyển chọn và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi. Nhờ đó đã sản xuất ra một khối lượng nông sản lớn với chất lượng cao để cung cấp cho công nghiệp chế biến, cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Các nước ở đới ôn hoà nổi tiếng về xuất khẩu lúa mì, ngô, thịt bò, sữa, lông cừu...





Hình 14.6 - Chăn nuôi bò theo kiểu công nghiệp trong các trang trại ở Hoa Kỳ
(Phía xa là các nhà máy chế biến thức ăn)

2. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu

Do môi trường đới ôn hoà rất đa dạng nên các nông sản chủ yếu phân bố ở các kiểu môi trường này rất khác nhau.



Nếu đi từ các vĩ độ trung bình lên các vĩ độ cao, có thể thấy :

- Ở vùng cận nhiệt đới gió mùa (Đông Trung Quốc và Đông Nam Hoa Kỳ) có nguồn nhiệt ẩm phong phú, trồng được nhiều lúa nước, đậu tương, bông, các loại hoa quả (cam, quýt, đào, mận...).
- Ở vùng khí hậu địa trung hải, nhất là ven Địa Trung Hải thuộc Nam Âu và Bắc Phi, nổi tiếng về các loại nho và rượu vang. Những nơi này cũng trồng nhiều cam, chanh, ôliu...
- Ở vùng ôn đới hải dương khí hậu ôn hoà, trên các đồng bằng thường trồng lúa mì, củ cải đường, rau và nhiều loại hoa quả, trên các vùng núi có đồng cỏ tươi tốt, chăn nuôi bò thịt và bò sữa.
- Vào sâu nội địa là vùng ôn đới lục địa, khí hậu nóng hơn về mùa hạ và lạnh hơn về mùa đông. Các vĩ độ trung bình là vùng trồng lúa mì chủ yếu của thế giới. Ở những nơi khô hơn, trồng đại mạch. Trên các thảo nguyên có đất đen màu mỡ, người ta trồng lúa mì, khoai tây, ngô và chăn nuôi bò, ngựa, lợn.
- Ở các vùng hoang mạc ôn đới, chủ yếu chăn nuôi cừu.
- Trên các vĩ độ cao hơn là vùng ôn đới lạnh, nông nghiệp kém phát triển, chủ yếu trồng khoai tây, lúa mạch đen... và chăn nuôi hươu Bắc cực.
- *Nêu các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu ở từng kiểu môi trường trong đới ôn hoà.*

Các nước kinh tế phát triển ở đới ôn hoà có nền nông nghiệp sản xuất chuyên môn hoá với quy mô lớn, được tổ chức chặt chẽ theo kiểu công nghiệp; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - kĩ thuật.

Trong các kiểu môi trường khác nhau, những sản phẩm nông nghiệp chủ yếu cũng khác nhau.

Câu hỏi và bài tập

1. Để sản xuất ra khối lượng nông sản lớn, có giá trị cao, nền nông nghiệp tiên tiến ở đới ôn hoà đã áp dụng những biện pháp gì ?
2. Trình bày sự phân bố các loại cây trồng và vật nuôi chủ yếu ở đới ôn hoà.





Bài 15 : HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP Ở ĐỐI ƠN HOÀ

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng bậc nhất ở đối ƠN hoà. Ở đây, những dấu hiệu của một xã hội công nghiệp như : các nhà máy, khu công nghiệp và đô thị luôn hiện ra trước mắt chúng ta. Hệ thống giao thông các loại đan xen nhau...

1. Nền công nghiệp hiện đại, có cơ cấu đa dạng

Bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, ngày nay phần lớn các nước ở đối ƠN hoà đã xây dựng được một nền công nghiệp hiện đại, trang bị nhiều máy móc, thiết bị tiên tiến.

Công nghiệp khai thác phát triển ở những nơi tập trung nhiều khoáng sản như vùng Đông Bắc Hoa Kì, vùng U-ran và Xi-bi-ri của Liên bang Nga... hoặc có nhiều rừng như Phần Lan, Ca-na-đa...

Công nghiệp chế biến là thế mạnh nổi bật và hết sức đa dạng, từ các ngành truyền thống như luyện kim, cơ khí, hoá chất... đến các ngành hiện đại, đòi hỏi hàm lượng trí tuệ cao như điện tử, hàng không vũ trụ... Phần lớn nguyên liệu, nhiên liệu được nhập từ các nước đối ƠN.

Hoạt động công nghiệp ở đối ƠN hoà ngày nay chiếm tới 3/4 tổng sản phẩm công nghiệp của toàn thế giới. Các nước công nghiệp hàng đầu là Hoa Kì, Nhật Bản, Đức, Liên bang Nga, Anh, Pháp, Ca-na-đa...

2. Cảnh quan công nghiệp

Ở đối ƠN hoà nổi bật lên cảnh quan công nghiệp : các nhà máy, công xưởng, hầm mỏ... được nối với nhau bằng các tuyến đường giao thông chằng chịt.

Các nhà máy có liên quan với nhau được phân bố tập trung thành các khu công nghiệp để dễ dàng hợp tác trong quá trình sản xuất, giảm chi phí vận chuyển. Trong khu công nghiệp, các nhà máy nằm san sát, thuộc nhiều ngành khác nhau.

Nhiều khu công nghiệp hợp thành một trung tâm công nghiệp. Vì thế, các trung tâm công nghiệp lớn thường có nhiều ngành, với nhiều sản phẩm rất đa dạng.

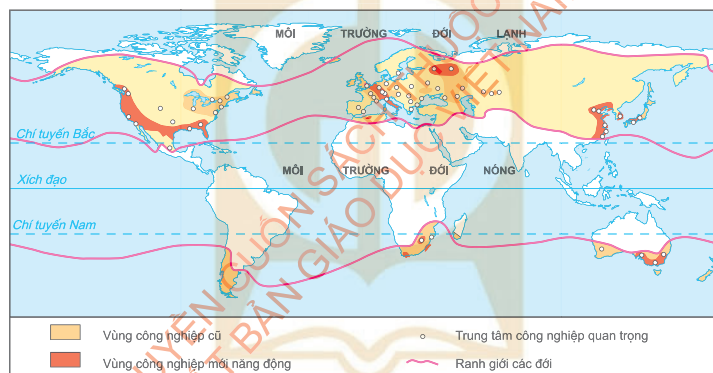




Hình 15.1 - Một khu công nghiệp hoá dầu ở Bắc Mỹ với nhiều nhà máy, kho hàng san sát nhau



Hình 15.2 - Một cơ sở công nghiệp công nghệ cao kiểu mới ở Tây Âu với thảm cỏ và cây xanh bao quanh



Hình 15.3 - Lược đồ phân bố công nghiệp ở đới ôn hoà

- Quan sát hình 15.3, nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp chính ở đới ôn hoà.

Các trung tâm công nghiệp tập trung trên một lãnh thổ sẽ tạo nên vùng công nghiệp. Các vùng công nghiệp lớn của đới ôn hoà và cũng là của thế giới là vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, vùng Trung tâm nước Anh, vùng Bắc Pháp kéo dài qua Bỉ đến tận vùng Rura của Đức, vùng Tây Bắc I-ta-li-a, vùng Trung tâm của Liên bang Nga, vùng duyên hải Đông Bắc Trung Quốc, vùng Y-ô-cô-ha-ma - Ô-xa-ca của Nhật Bản... Bên cạnh một số vùng công nghiệp phát triển từ cách đây 200 năm như vùng Đông Bắc Hoa Kỳ... đã xuất hiện những vùng công nghiệp mới, năng động hơn.

-



Bài 16 : ĐÔ THỊ HOÁ Ở ĐỐI ÔN HOÀ

Đại bộ phận dân số ở đới ôn hoà sống trong các đô thị lớn, nhỏ. Đô thị hoá ở đới ôn hoà có những nét khác biệt với đô thị hoá ở đới nóng.

1. Đô thị hoá ở mức độ cao

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp và dịch vụ là động lực cuốn hút người dân vào sống trong các đô thị. Đới ôn hoà có tỉ lệ dân đô thị cao, hơn 75% dân cư sinh sống trong các đô thị. Đây còn là nơi tập trung nhiều đô thị nhất trên thế giới.

Các thành phố lớn tăng dân số nhanh, phát triển dân, trở thành các siêu đô thị. Thành phố Niu I-oóc có hơn 21 triệu người, chiếm gần 10% số dân đô thị của Hoa Kỳ. Thành phố Tô-ki-ô có hơn 27 triệu người, chiếm hơn 27% số dân đô thị của cả nước Nhật. Thành phố Pa-ri có hơn 9,5 triệu dân, chiếm tới 21% số dân đô thị của cả nước Pháp. Các đô thị mở rộng, kết nối với nhau thành các chuỗi đô thị hay chùm đô thị với hàng triệu dân.

Các đô thị của đới ôn hoà phát triển theo quy hoạch. Ở trung tâm đô thị là khu thương mại, dịch vụ với những toà nhà chọc trời được xây dựng bằng đá, xi măng, sắt thép và kính. Hệ thống đường sá với các đường tàu điện ngầm, tàu điện trên không, giao lộ nhiều tầng... toà đi khắp nơi. Phương tiện giao thông di chuyển như mắc cửi.

Ở châu Á và châu Âu, nhiều thành phố vẫn bảo tồn được những toà lâu đài, chùa chiền, thành đường, nhà thờ, những con đường lát đá và nhiều công trình kiến trúc của những thế kỉ trước.

Các thành phố lớn không chỉ mở rộng, mà còn vươn cả theo chiều cao lẫn chiều sâu. Ngày càng có nhiều đường sá, nhà để xe, kho hàng... được xây dựng ngầm dưới đất.

Lối sống đô thị đã trở thành phổ biến trong phần lớn dân cư ở môi trường đới ôn hoà.



Hình 16.1 - Đô thị cổ A-miêng (Pháp)



Hình 16.2 - Đô thị hiện đại Niur I-oooc (Hoa Kỳ)

2. Các vấn đề của đô thị

Sự mở rộng, phát triển nhanh của các đô thị lớn đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông trong giờ cao điểm.... Tình trạng thiếu chỗ ở và thiếu các công trình công cộng thường xuyên gây áp lực lên cuộc sống của dân nghèo thành thị. Tại các đô thị lớn của Hoa Kỳ có tới 3 triệu người vô gia cư, tỉ lệ thất nghiệp ở mức cao (từ 5% đến 10%) trong khi vẫn thiếu nhiều lao động trẻ, có trình độ kỹ thuật.



Hình 16.3 - Khói bụi tạo thành lớp sương mù bao phủ bầu trời



Hình 16.4 - Nạn kẹt xe thường xuyên xảy ra, nhất là vào các giờ cao điểm



Để giải quyết những vấn đề xã hội trong các đô thị, nhiều nước đã tiến hành quy hoạch lại đô thị theo hướng "phi tập trung" : xây dựng nhiều thành phố vệ tinh, chuyển dịch các hoạt động công nghiệp, dịch vụ đến các vùng mới (từ phía bắc xuống phía nam và phía tây ở Hoa Kì, từ phía đông sang phía tây ở Trung Quốc...), đẩy mạnh đô thị hoá nông thôn để giảm áp lực dân số cho các đô thị...

Hơn 75% dân cư đới ôn hoà sống trong các đô thị. Sự phát triển các đô thị được tiến hành theo quy hoạch. Nhiều đô thị mở rộng, kết nối với nhau thành chuỗi đô thị hoặc chùm đô thị. Lối sống đô thị đã trở thành phổ biến.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của các đô thị đã phát sinh nhiều vấn đề nan giải : ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông... Nhiều nước đang quy hoạch lại đô thị theo hướng "phi tập trung" để giảm áp lực cho các đô thị.

Câu hỏi và bài tập

1. Nét đặc trưng của đô thị hoá ở môi trường đới ôn hoà là gì ?
2. Nêu những vấn đề xã hội nảy sinh khi các đô thị phát triển quá nhanh và hướng giải quyết.



Bài 17 : Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở ĐỐI ƠN HOÀ

Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà, đặc biệt là ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước đã đến mức báo động. Nguyên nhân là do sự lạm dụng kĩ thuật... và chủ yếu là sự thiếu ý thức bảo vệ môi trường của con người.

1. Ô nhiễm không khí

- Hai ảnh dưới đây gợi cho em những suy nghĩ gì về vấn đề ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà ?



Hình 17.1 - Khí thải ở một khu liên hợp hoá dầu



Hình 17.2 - Cây cối bị chết khô vì mưa axit

Sự phát triển của công nghiệp và các phương tiện giao thông ở đới ôn hoà đòi hỏi phải sử dụng ngày càng nhiều nhiên liệu, làm cho bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng nề. Hằng năm, các nhà máy và các loại xe cộ hoạt động ở Bắc Mỹ, châu Âu, Đông Bắc Á đã đưa vào khí quyển hàng chục tỉ tấn khí thải. Gió đưa không khí bị ô nhiễm đi xa có khi đến hàng trăm, hàng nghìn kilômét. Hậu quả là tạo nên những trận mưa axit làm chết cây cối, ăn mòn các công trình xây dựng và gây ra các bệnh về đường hô hấp cho con người...



Khí thải làm tăng hiệu ứng nhà kính khiến Trái Đất nóng lên, làm cho khí hậu toàn cầu biến đổi, băng ở hai cực tan chảy, mực nước các đại dương dâng cao, đe dọa cuộc sống của con người ở các đảo và những vùng đất thấp ven biển. Khí thải còn tạo ra lỗ thủng trong tầng ôzôn, gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người.

Sự bất cẩn khi sử dụng năng lượng nguyên tử gây ô nhiễm phóng xạ đưa tới những hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Trước tình trạng đó, hầu hết các nước trên thế giới đã kí Nghị định thư Ki-ô-tô, nhằm cắt giảm lượng khí thải gây ô nhiễm, bảo vệ bầu không khí trong lành của Trái Đất.

2. Ô nhiễm nước

Các nguồn nước bị ô nhiễm gồm : nước biển, nước sông hồ, nước ngầm...

- Quan sát các ảnh dưới đây kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, nêu một số nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm nước ở đới ôn hoà.



Hình 17.3 - "Thủy triều đen" trên Đại Tây Dương do tai nạn của tàu chở dầu



Hình 17.4 - Nước thải từ các nhà máy đổ vào sông ngòi ở ngoại ô Pa-ri (Pháp)

Việc tập trung phần lớn các đô thị vào một dải đất rộng không quá 100 km chạy dọc ven biển đã làm cho nước biển ven bờ bị ô nhiễm nặng.





- Tại sao sự tập trung với mật độ cao các đô thị ở ven biển đới ôn hòa lại dẫn tới ô nhiễm nước biển ven bờ ?

Váng dầu ở các vùng ven biển tạo nên "thủy triều đen", cũng là một nguyên nhân quan trọng làm ô nhiễm nước biển.

Hóa chất thải ra từ các nhà máy, lượng phân hóa học và thuốc trừ sâu dư thừa trên đồng ruộng, cùng với chất thải sinh hoạt của các đô thị... làm nhiễm bẩn nguồn nước sông, hồ và nước ngầm trên đất liền. Các chất độc hại đó lại bị đưa ra biển là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng "thủy triều đỏ", làm chết ngạt các sinh vật sống trong nước.

Ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước là những vấn đề rất lớn về môi trường ở đới ôn hòa. Các hiện tượng mưa axit, thủy triều đỏ, hiệu ứng nhà kính... không những gây hậu quả nghiêm trọng cho đới ôn hòa mà còn cho toàn Trái Đất.

Câu hỏi và bài tập

- Hãy nêu những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa.
- Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới :
 - Hoa Kỳ : 20 tấn/năm/người
 - Pháp : 6 tấn/năm/người

Hãy thể hiện các số liệu trên bằng biểu đồ hình cột.

Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, cho biết số dân của các nước như sau :

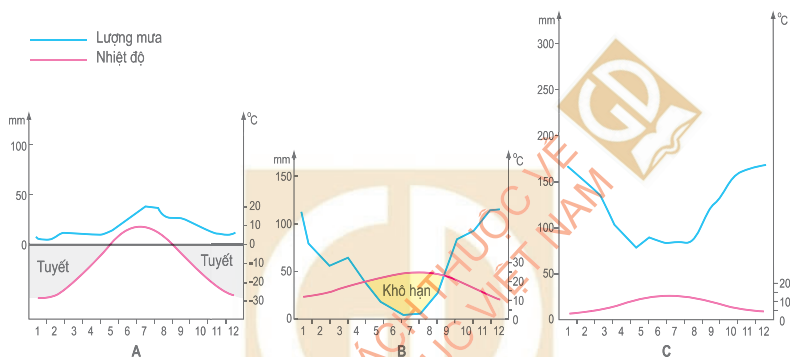
 - Hoa Kỳ : 281421000 người
 - Pháp : 59330000 người



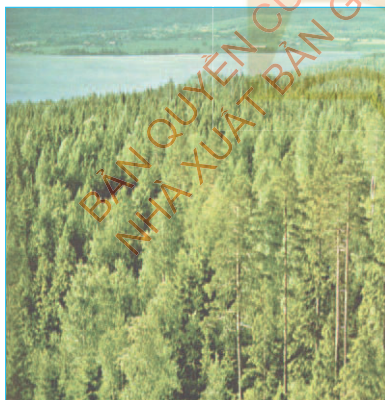
Bài 18 : THỰC HÀNH

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ

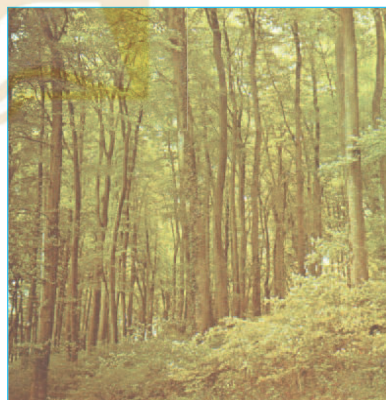
1. Xác định các biểu đồ tương quan nhiệt - ẩm dưới đây thuộc các môi trường nào của đới ôn hoà.



2. Dưới đây là ảnh các kiểu rừng ở đới ôn hoà : rừng hỗn giao, rừng lá kim, rừng lá rộng. Xác định từng ảnh thuộc kiểu rừng nào.



Rừng của Thụy Điển vào mùa xuân



Rừng của Pháp vào mùa hạ



Rừng của Ca-na-đa vào mùa thu

3. Lượng khí thải CO_2 (điôxít cacbon) là nguyên nhân chủ yếu làm cho Trái Đất nóng lên. Cho đến năm 1840, lượng CO_2 trong không khí luôn ổn định ở mức 275 phần triệu (viết tắt là 275 p.p.m). Từ khi bắt đầu cuộc Cách mạng công nghiệp đến nay, lượng CO_2 trong không khí đã không ngừng tăng lên :

Năm 1840 : 275 phần triệu

Năm 1980 : 335 phần triệu

Năm 1957 : 312 phần triệu

Năm 1997 : 355 phần triệu

Vẽ biểu đồ về sự gia tăng lượng CO_2 trong không khí từ năm 1840 đến năm 1997 và giải thích nguyên nhân của sự gia tăng đó.

Chương III

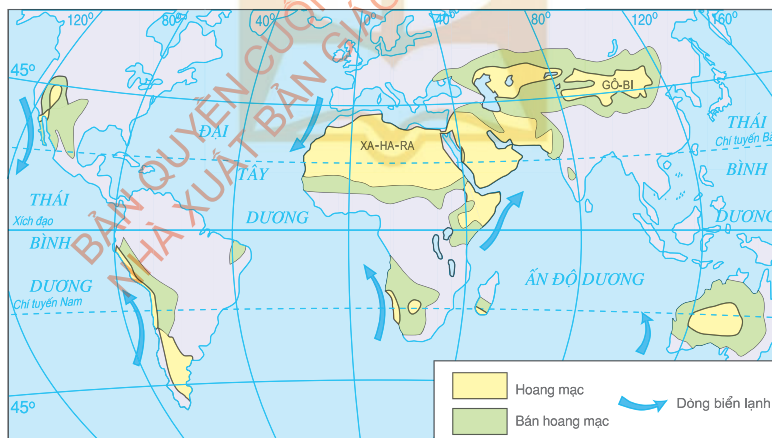
MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC

Bài 19 : MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

Hoang mạc là nơi có khí hậu hết sức khắc nghiệt và khô hạn. Hoang mạc có ở hầu hết các châu lục và chiếm gần 1/3 diện tích đất nổi của Trái Đất. Diện tích các hoang mạc đang ngày càng mở rộng.

1. Đặc điểm của môi trường

- Quan sát lược đồ hình 19.1, cho biết các hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở đâu ?

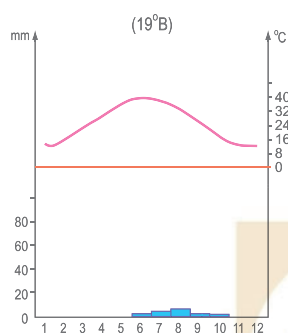


Hình 19.1 - Lược đồ phân bố hoang mạc trên thế giới

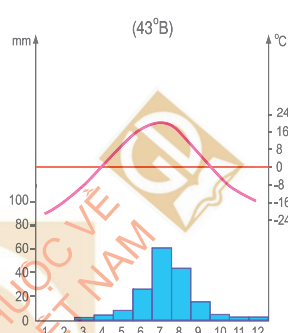


Hoang mạc chiếm những diện tích rộng lớn ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ và Ô-xtrây-li-a. Phần lớn các hoang mạc nằm dọc theo hai đường chí tuyến và giữa đại lục Á - Âu.

- Qua các hình 19.2 và 19.3, nêu đặc điểm chung của khí hậu hoang mạc và so sánh sự khác nhau về chế độ nhiệt của hoang mạc ở đới nóng và đới ôn hoà.



Hình 19.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hoang mạc Xa-ha-ra ở châu Phi

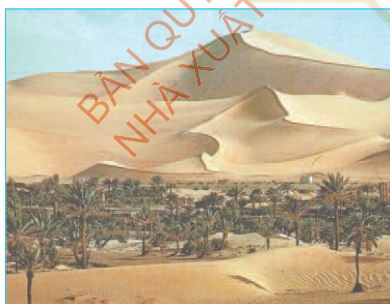


Hình 19.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hoang mạc Gô-bi ở châu Á

Đặc điểm nổi bật của các hoang mạc là tính chất vô cùng khô hạn, vì lượng mưa trong năm rất thấp trong khi lượng bốc hơi lại rất lớn. Có nơi nhiều năm liền không mưa hoặc mưa rơi chưa đến mặt đất đã bốc hơi hết.

Ở hoang mạc, sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn, hơn nhiều so với sự chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa trong năm.

- Mô tả quang cảnh hoang mạc qua các ảnh dưới đây.



Hình 19.4 - Hoang mạc cát và ốc đảo ở châu Phi



Hình 19.5 - Hoang mạc ở Bắc Mỹ





Phần lớn bề mặt các hoang mạc bị sỏi đá hay những cồn cát bao phủ. Thực vật thiếu nước nên cằn cỗi, thưa thớt. Động vật trong hoang mạc rất hiếm, phần lớn là các loài bò sát và côn trùng. Dân cư chỉ tập trung ở các ốc đảo là nơi có mạch nước ngầm lộ ra sát mặt đất.

2. Sự thích nghi của thực, động vật với môi trường

Thực vật và động vật thích nghi với sự khô hạn của hoang mạc bằng cách tự hạn chế sự thoát nước, đồng thời tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể. Một số loài cây rút ngắn chu kỳ sinh trưởng cho phù hợp với thời kỳ có mưa ngắn ngủi trong năm. Một số khác, lá biến thành gai hay lá bọc sáp để hạn chế sự thoát hơi nước. Một vài loài cây dự trữ nước trong thân như cây xương rồng nên không lồ ở Bắc Mỹ hay cây có thân hình chai ở Nam Mỹ. Phần lớn các loài cây trong hoang mạc có thân lùn thấp nhưng bộ rễ rất to và dài để có thể hút được nước dưới sâu.

Bò sát và côn trùng sống vùi mình trong cát hoặc trong các hốc đá. Chúng chỉ ra ngoài kiếm ăn vào ban đêm. Linh dương, lạc đà... sống được là nhờ có khả năng chịu đói khát và đi xa tìm thức ăn, nước uống. Chính các cách thích nghi với điều kiện khô hạn đã tạo nên sự độc đáo của thế giới thực, động vật ở hoang mạc.

Hoang mạc chiếm một diện tích khá lớn trên bề mặt Trái Đất, chủ yếu nằm dọc theo hai đường chí tuyến. Khí hậu ở đây hết sức khô hạn, khắc nghiệt. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn. Do thiếu nước nên thực vật cằn cỗi, động vật hiếm hoi. Các loài thực vật và động vật trong hoang mạc thích nghi với môi trường khô hạn khắc nghiệt bằng cách tự hạn chế sự mất nước, tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể...

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu các đặc điểm của khí hậu hoang mạc.
2. Thực vật và động vật ở hoang mạc thích nghi với môi trường khắc nghiệt, khô hạn như thế nào ?



Bài 20 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC

Hoang mạc tuy khô khan, cát đá mênh mông nhưng con người vẫn sinh sống ở đó từ lâu đời. Ngày nay, nhờ những tiến bộ kỹ thuật, con người đang ngày càng tiến sâu vào chinh phục và khai thác hoang mạc.

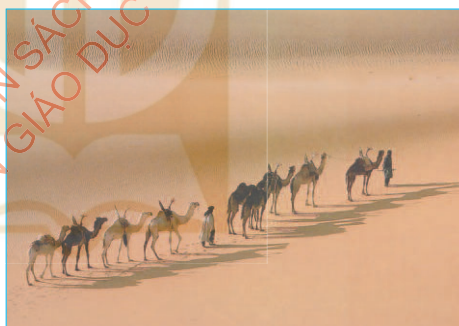
1. Hoạt động kinh tế

Do trồng trọt khó khăn nên hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc sống trong hoang mạc chủ yếu là chăn nuôi du mục. Họ nuôi dê, cừu, lạc đà... và đưa đàn gia súc đi từ nơi này đến nơi khác để tìm nguồn nước, nguồn thức ăn.

- Quan sát các ảnh dưới đây, cho biết : Ngoài chăn nuôi du mục ở hoang mạc còn có hoạt động kinh tế cổ truyền nào khác ?



Hình 20.1 - Quang cảnh trong ốc đảo



Hình 20.2 - Đoàn lạc đà chờ hàng hoá qua hoang mạc

Một số dân tộc dùng lạc đà để vận chuyển hàng hoá và buôn bán xuyên qua các hoang mạc rộng lớn. Một vài dân tộc khác sống định cư trong các ốc đảo ; họ trồng chà là, cam, chanh, lúa mạch, rau đậu... trên những mảnh vườn nhỏ và chăn nuôi dê, cừu...

- Quan sát các ảnh dưới đây, phân tích vai trò của kỹ thuật khoan sâu trong việc làm biến đổi bộ mặt của hoang mạc.



Hình 20.3 - Hệ thống tưới nước tự động, cải tạo hoang mạc thành đồng ruộng (Li-bi)



Hình 20.4 - Một khu khai thác dầu mỏ trong hoang mạc Xa-ha-ra (An-giê-ri)

Trong những năm gần đây, với sự tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu, người ta đã phát hiện được các mỏ dầu khí lớn, các mỏ khoáng sản và các túi nước ngầm trong lòng đất các hoang mạc. Nhờ đó, con người đã tiến vào khai thác và làm biến đổi bộ mặt của nhiều vùng đất hoang mạc như ở Tây Nam Hoa Kỳ, Trung Đông, bán đảo Ả Rập, Bắc Phi và Trung Á. Sự phát triển của hoạt động du lịch cũng đem lại nguồn lợi lớn cho người dân ở hoang mạc.

2. Hoang mạc đang ngày càng mở rộng

Ranh giới của các hoang mạc luôn thay đổi. Diện tích hoang mạc trên thế giới ngày càng mở rộng, một phần do cát lấn hoặc do biến động của khí hậu toàn cầu, nhưng chủ yếu là do tác động của con người.

- *Nêu một số thí dụ cho thấy những tác động của con người đã làm tăng diện tích hoang mạc trên thế giới.*

Hiện nay, quá trình hoang mạc hoá làm mất đi khoảng 10 triệu ha đất trồng mỗi năm. Các hoang mạc đới nóng có mùa khô kéo dài cũng là những nơi có tốc độ mở rộng diện tích nhanh nhất.

Hình 20.5 - Một vùng đất ở rìa hoang mạc Xa-ha-ra bị cát lấn



- *Nêu một số biện pháp nhằm hạn chế sự phát triển của hoang mạc.*



Hình 20.6 - Khu rừng chống nạn cát bay từ hoang mạc
(Tây Bắc Trung Quốc)

Hoa Kỳ và các nước Ả Rập... đã tiến hành cải tạo hoang mạc thành đất trồng theo quy mô lớn. Tuy nhiên, các kế hoạch này hết sức tốn kém. Vì thế phần lớn các quốc gia vẫn chỉ sử dụng những phương pháp khai thác nước ngầm cổ truyền và trồng rừng để ngăn chặn hoang mạc mở rộng.

Hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc sống trong hoang mạc là chăn nuôi du mục và trồng trọt trong ốc đảo. Ngày nay, với sự tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu... con người đang tiến vào khai thác các hoang mạc. Diện tích hoang mạc trên thế giới vẫn đang tiếp tục mở rộng.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày các hoạt động kinh tế cổ truyền và kinh tế hiện đại trong các hoang mạc ngày nay.
2. Nêu một số biện pháp đang được sử dụng để khai thác hoang mạc và hạn chế quá trình hoang mạc mở rộng trên thế giới.

Chương IV

MÔI TRƯỜNG ĐÓI LẠNH. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐÓI LẠNH

Bài 21 : MÔI TRƯỜNG ĐÓI LẠNH

Đới lạnh là xứ sở của băng tuyết, khí hậu rất khắc nghiệt. Cho đến nay, còn nhiều điều chúng ta chưa biết về môi trường đới lạnh.

1. Đặc điểm của môi trường

Đới lạnh nằm trong khoảng từ hai vòng cực đến hai cực.

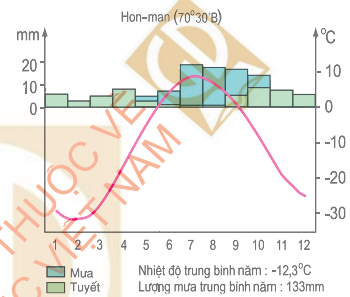
- Quan sát các hình 21.1, 21.2 và 21.3, hãy :

- + Tìm ranh giới của môi trường đới lạnh ở hai bán cầu.
- + Nêu diễn biến nhiệt độ và lượng mưa trong năm ở đới lạnh.

Đới lạnh có khí hậu vô cùng khắc nghiệt. Mùa đông rất dài, hiếm khi thấy Mặt Trời và thường có bão tuyết dữ dội kèm theo cái lạnh cắt da. Nhiệt độ trung bình luôn dưới -10°C , thậm chí xuống đến -50°C .



Hình 21.1 - Lược đồ môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực



Hình 21.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hon-man (Ca-na-đa)

Lượng mưa trung bình năm rất thấp (dưới 500mm) và chủ yếu ở dạng tuyết rơi (trừ mùa hạ). Đất đông băng quanh năm, chỉ tan một lớp mỏng trên mặt khi mùa hạ đến.

- Quan sát các hình 21.4 và 21.5, so sánh sự khác nhau giữa núi băng và băng trôi.



Hình 21.4 - Núi băng



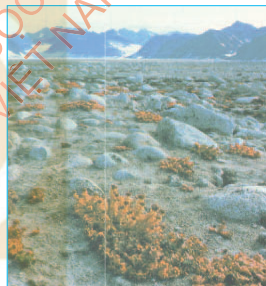
Hình 21.5 - Băng trôi

Hiện nay, Trái Đất đang nóng lên, băng ở hai vùng cực tan chảy bớt, diện tích phủ băng thu hẹp lại.

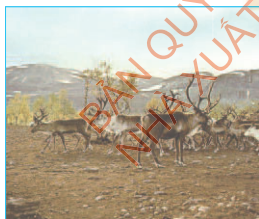
2. Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường



Hình 21.6 - Đài nguyên Bắc Âu vào mùa hạ



Hình 21.7 - Đài nguyên Bắc Mỹ vào mùa hạ



Hình 21.8 - Tuần lộc



Hình 21.9 - Chim cánh cụt



Hình 21.10 - Hải cẩu

Ở vùng đài nguyên phương Bắc, khí hậu lạnh quanh năm, thực vật chỉ phát triển được vào mùa hạ ngắn ngủi, trong những thung lũng kín gió. Cây cối còi cọc, thấp lùn, mọc xen lẫn với rêu, địa y...

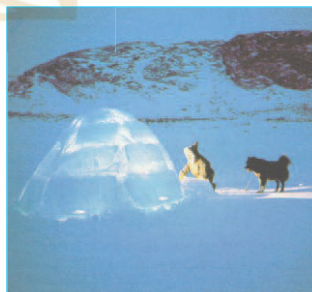
Các loài động vật ở đới lạnh thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt nhờ có lớp mỡ dày (hải cẩu, cá voi...), lớp lông dày (gấu trắng, cáo bạc, tuần lộc...) hoặc bộ lông không thấm nước (chim cánh cụt...). Chúng thường sống thành đàn đông đúc để bảo vệ và sưởi ấm cho nhau. Một số loài dùng hình thức ngủ đông để đỡ tiêu hao năng lượng, số khác di cư đến nơi ấm áp để tránh cái lạnh giá buốt trong mùa đông. Cuộc sống ở đới lạnh sinh động hẳn lên vào mùa hạ khi cây cỏ, rêu, địa y... nở rộ trên đất liền và các sinh vật phù du phát triển mạnh trong đại dương đã tan lớp băng trên mặt, đó là nguồn thức ăn dồi dào cho các loài chim, thú, cá...

Đới lạnh nằm trong khoảng từ hai vòng cực về phía hai cực, có khí hậu vô cùng lạnh lẽo. Vùng đai nguyên nằm ven biển gần Bắc cực có các loài thực vật đặc trưng là rêu, địa y... và một số loài cây thấp lùn. Động vật thích nghi được với khí hậu lạnh nhờ có lớp mỡ, lớp lông dày hoặc bộ lông không thấm nước. Một số động vật di cư để tránh mùa đông lạnh, số khác lại ngủ suốt mùa đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Tính chất khắc nghiệt của khí hậu đới lạnh thể hiện như thế nào ?
2. Tại sao lại nói đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất ?
3. Giới thực vật và động vật ở đới lạnh có gì đặc biệt ?
4. Đoạn văn sau đây mô tả cuộc sống trong ngôi nhà băng của người I-nuc (E-xki-mô). Cho biết người I-nuc đã thích nghi với mùa đông giá lạnh như thế nào ?

"Cuộc sống trong ngôi nhà băng thật chẳng tiện nghi chút nào nhưng con người vẫn phải sống qua mùa đông giá lạnh từ -30°C đến -40°C. Nhà băng là nơi cư trú tốt nhất cho người I-nuc, các chú chó và lương thực của họ. Nhờ có ngọn đèn mỡ hải cẩu thắp liên tục, nhiệt độ trong nhà luôn duy trì từ 0°C đến 2°C. Vào nhà, người ta phải cởi bỏ bộ quần áo khoác ngoài bằng da và lông thú đã lạnh cứng lại, để tránh băng tan làm ướt người. Cơ thể cần luôn khô ráo mới chống được cái lạnh. Đối với chúng tôi, điều đáng sợ nhất trong ngôi nhà là sự hỗn tạp của hơi người, mùi thịt cá tươi, mùi lông chó, mùi mỡ hải cẩu cháy và mùi bếp núc. Trên trần chỉ có một lỗ thông hơi nhỏ cho cả ngôi nhà đông đúc, lối ra vào đã bị đóng quần áo nút kín lại".



Hình 21.11 - Ngôi nhà băng của người I-nuc ở Bắc Mỹ.

(Theo P.E. Vic-to)



Bài 22 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI LẠNH

Bất chấp cái lạnh và băng tuyết, nhiều dân tộc đã sinh sống ở phương Bắc từ hàng nghìn năm nay. Họ chăn nuôi, đánh cá hoặc săn bắn. Ngày nay, với phương tiện kĩ thuật hiện đại, con người đã bắt đầu khai thác các tài nguyên ở vùng cực.

1. Hoạt động kinh tế của các dân tộc ở phương Bắc

- Quan sát hình 22.1, cho biết :

+ Có các dân tộc nào sinh sống ở đới lạnh phương Bắc ?

+ Địa bàn cư trú của các dân tộc sống bằng nghề chăn nuôi và địa bàn cư trú của các dân tộc sống bằng nghề săn bắt.



Hình 22.1 - Lược đồ địa bàn cư trú của các dân tộc ở môi trường đới lạnh phương Bắc





Khí hậu khắc nghiệt, lạnh lẽo khiến cho đới lạnh là nơi có rất ít dân. Dù đã thích nghi, các dân tộc sống lâu đời ở phương Bắc cũng chỉ sống được trong các dải nguyên ven biển phía bắc châu Âu, châu Á và Bắc Mỹ. Người La-pông ở Bắc Âu và người Chúc, người I-a-kut, người Xa-mô-y-et ở Bắc Á sống bằng nghề chăn nuôi tuần lộc và săn thú có lông quý. Người I-nuc ở Bắc Mỹ và ở đảo Gron-len sống bằng nghề đánh bắt cá hoặc săn bắn tuần lộc, hải cẩu, gấu trắng... để lấy mỡ, thịt và da. Họ di chuyển trên các xe trượt do chó kéo.



Hình 22.2 - Người La-pông ở Bắc Âu đang chăn dắt đàn tuần lộc



Hình 22.3 - Người I-nuc câu cá qua một hố băng

2. Việc nghiên cứu và khai thác môi trường

Đới lạnh là nơi có nguồn tài nguyên phong phú : hải sản, thú có lông quý, khoáng sản (đồng, uranium, kim cương, kẽm, vàng, dầu mỏ...) nhưng điều kiện khai thác rất khó khăn. Gần đây, nhờ các phương tiện vận chuyển hiện đại và kỹ thuật tiên tiến, con người đã có thể tiến sâu vào vùng cực để nghiên cứu khoa học hoặc khai thác tài nguyên. Nhiều thành phố và các trang trại chăn nuôi thú có lông quý được xây dựng ở vùng gần cực.

Tuy nhiên, việc săn bắt quá mức đã làm cho cá voi và nhiều loài thú có lông quý đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.





Hình 22.4 - Dàn khoan dầu mỏ trên biển băng phương Bắc



Hình 22.5 - Khoan thăm dò trên lục địa Nam Cực

Bảo vệ các loài động vật bị đe dọa tuyệt chủng và giải quyết sự thiếu nhân lực là hai vấn đề lớn đang đặt ra cho đới lạnh.

Đới lạnh là nơi có ít người sinh sống nhất trên Trái Đất. Hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở đới lạnh phương Bắc là chăn nuôi tuần lộc, đánh bắt cá, săn thú có lông quý để lấy mỡ, thịt và da. Ngày nay, con người đang nghiên cứu để khai thác tài nguyên ở đới lạnh. Hai vấn đề lớn phải giải quyết là thiếu nhân lực và nguy cơ tuyệt chủng của một số loài động vật quý.

Câu hỏi và bài tập

1. Kể tên những hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở phương Bắc.
2. Đới lạnh có những nguồn tài nguyên chính nào ? Tại sao cho đến nay nhiều tài nguyên của đới lạnh vẫn chưa được khai thác ?
3. Cho những cụm từ : khí hậu rất lạnh, băng tuyết phủ quanh năm, thực vật rất nghèo nàn, rất ít người sinh sống, hãy lập một sơ đồ theo mẫu thể hiện mối quan hệ giữa môi trường và con người ở đới lạnh.

Chương V

MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở VÙNG NÚI

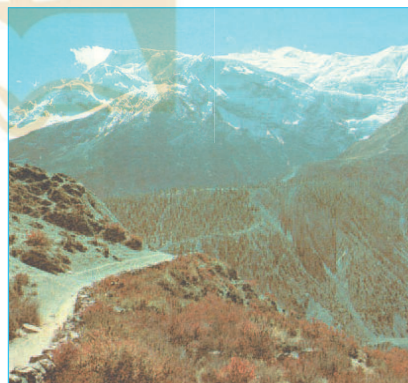
Bài 23 : MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI

Môi trường vùng núi có khí hậu và thực vật thay đổi theo độ cao và theo hướng của sườn núi. Càng lên cao, không khí càng loãng và càng lạnh làm cho quang cảnh tự nhiên và cuộc sống của con người ở các vùng núi có nhiều điểm khác biệt so với ở đồng bằng.

1. Đặc điểm của môi trường

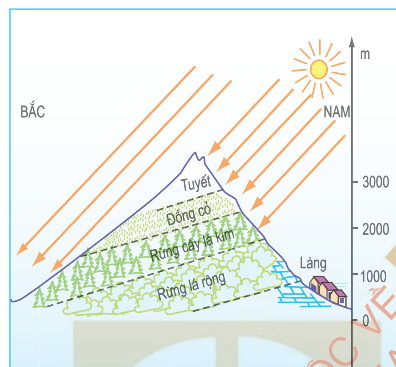
Ở vùng núi, khí hậu và thực vật thay đổi theo độ cao. Càng lên cao không khí càng loãng dần, cứ lên cao 100m nhiệt độ không khí lại giảm 0,6°C. Từ trên độ cao khoảng 3000m ở đới ôn hoà và khoảng 5500m ở đới nóng là nơi có băng tuyết phủ vĩnh viễn.

Sự thay đổi nhiệt độ, độ ẩm không khí từ chân núi lên đỉnh núi đã tạo nên sự phân tầng thực vật theo độ cao, gần giống như khi chúng ta đi từ vùng vĩ độ thấp lên vùng vĩ độ cao.



Hình 23.1 - Quang cảnh vùng núi Hi-ma-lay-a ở Nê-pan

- Quan sát hình 23.2, nhận xét về sự phân tầng thực vật ở hai sườn của dãy núi An-pơ. Cho biết nguyên nhân.



Hình 23.2 - Sơ đồ phân tầng thực vật theo độ cao ở dãy núi An-pơ thuộc châu Âu

Khí hậu và thực vật còn thay đổi theo hướng của sườn núi. Những sườn núi đón gió ẩm thường có mưa nhiều, cây cối tốt tươi hơn so với sườn khuất gió hoặc đón gió lạnh. Ở đới ôn hoà, trên những sườn núi đón ánh nắng, cây cối phát triển lên đến những độ cao lớn hơn phía sườn khuất nắng.

Trên các sườn núi có độ dốc lớn dễ xảy ra lũ quét, lở đất... khi mưa to kéo dài, đe dọa cuộc sống của người dân sống ở các thung lũng phía dưới. Độ dốc lớn còn gây trở ngại cho việc đi lại và khai thác tài nguyên ở vùng núi.

2. Cư trú của con người

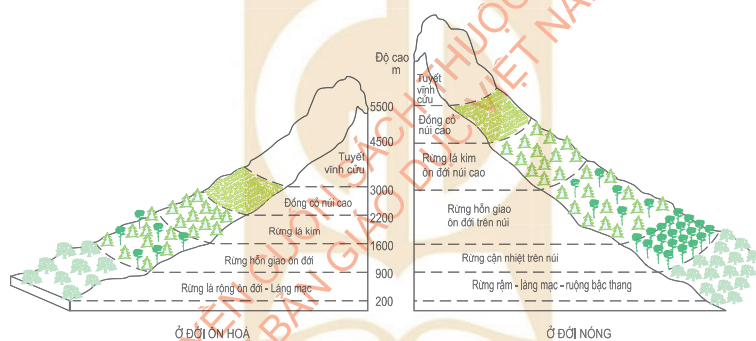
Các vùng núi trên thế giới thường là nơi cư trú của các dân tộc ít người. Do độ dốc lớn, đi lại khó khăn, nên họ thường sống rải rác men theo sườn núi hay dưới thung lũng. Các dân tộc ở miền núi châu Á thường sống ở vùng núi thấp có khí hậu mát mẻ và nhiều lâm sản. Các dân tộc ở miền núi Nam Mỹ lại ưa sống ở độ cao trên 3000m là nơi có nhiều vùng đất bằng phẳng, thuận tiện cho việc trồng trọt và chăn nuôi. Ở vùng Sừng châu Phi có khí hậu nóng và khô, người Ê-ti-ô-pi-a sống tập trung trên các sườn núi cao chắn gió có nhiều mưa, khí hậu mát mẻ trong lành.

Khí hậu và thực vật ở vùng núi thay đổi theo độ cao. Sự phân tầng thực vật thành các đai cao ở vùng núi cũng gần giống như khi đi từ vùng vĩ độ thấp lên vùng vĩ độ cao.

Các vùng núi thường là nơi thưa dân. Người dân ở những vùng núi khác nhau trên Trái Đất có những đặc điểm cư trú khác nhau.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày sự thay đổi của thảm thực vật theo độ cao, theo hướng sườn ở vùng núi An-pơ.
2. Quan sát hình 23.3, nhận xét về sự thay đổi của các vành đai thực vật ở vùng núi đới nóng và vùng núi đới ôn hoà. Giải thích.



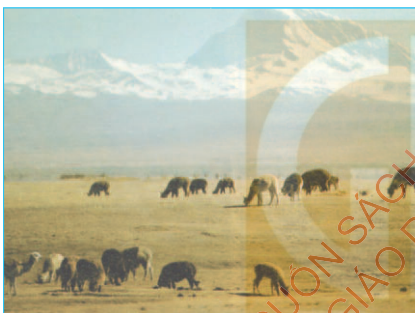
Hình 23.3 : Phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hoà và đới nóng

Bài 24 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở VÙNG NÚI

Ngày nay, nhờ sự phát triển lưới điện và đường giao thông... vùng núi đã giảm dần sự cách biệt với vùng đồng bằng và vùng ven biển. Bộ mặt nhiều vùng núi đang thay đổi nhanh chóng.

1. Hoạt động kinh tế cổ truyền

- Quan sát các ảnh dưới đây kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, kể tên một số hoạt động kinh tế cổ truyền ở vùng núi.



Hình 24.1 - Chăn nuôi lạc đà Lama trên một vùng núi ở Nam Mỹ



Hình 24.2 - Làm nghề thủ công trong một vùng núi ở châu Âu

Người dân ở các vùng núi trên thế giới thường sống dựa vào trồng trọt, chăn nuôi, khai thác và chế biến lâm sản. Hình thức trồng trọt và chăn nuôi cũng như các loại cây trồng và vật nuôi hết sức đa dạng, có sự khác nhau giữa các châu lục và các địa phương, phù hợp với môi trường tự nhiên của từng vùng núi. Ngoài chăn nuôi và trồng trọt, người dân vùng núi còn làm các nghề thủ công như chế biến thực phẩm, dệt vải hoặc dệt len, làm đồ mỹ nghệ... Nền kinh tế vùng núi phần lớn mang tính chất tự cung tự cấp, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Một số sản phẩm thủ công của vùng núi được ưa chuộng ở cả trong nước và ngoài nước do chúng mang đậm sắc thái của từng dân tộc.

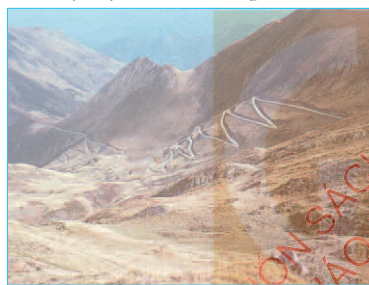
2. Sự thay đổi kinh tế - xã hội

Bộ mặt của nhiều vùng núi trên thế giới biến đổi nhanh chóng từ khi xuất hiện các tuyến đường ô tô, đường sắt, đường hầm xuyên núi... giúp cho việc trao đổi hàng hoá, giảm bớt sự cách trở giữa vùng núi với vùng đồng bằng và vùng

ven biển. Các đập thủy điện được xây dựng ở vùng núi đã cung cấp năng lượng, đẩy nhanh quá trình khai thác tài nguyên khoáng sản, hình thành các khu công nghiệp và khu dân cư mới. Du lịch và nghỉ dưỡng cùng các hoạt động thể thao (trượt tuyết, leo núi...) đem lại nguồn lợi lớn cho nhiều vùng núi. Tuy nhiên, phần lớn các vùng núi trên thế giới vẫn còn trong tình trạng chậm phát triển.

Sự phát triển kinh tế ở các vùng núi cũng đặt ra nhiều vấn đề về môi trường : Các rừng cây bị triệt hạ. Chất thải từ các hầm mỏ, các khu công nghiệp quanh các nhà máy thủy điện, các khu nghỉ mát làm ô nhiễm nguồn nước, là mầm bệnh làm ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân ở các đô thị nằm ven sông. Lượng du khách ngày càng lớn đã tác động tiêu cực tới khung cảnh thiên nhiên. Nhiều ngành kinh tế cổ truyền và bản sắc văn hoá dân tộc ở một số vùng núi có nguy cơ bị mai một dần.

- Tại sao phát triển giao thông và điện lực lại là những việc cần làm trước để biến đổi bộ mặt của các vùng núi ?



Hình 24.3 - Đường ô tô vượt qua một vùng núi hiểm trở của châu Á



Hình 24.4 - Một đập thủy điện trong vùng núi ở châu Âu

Trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất hàng thủ công, khai thác và chế biến lâm sản... là những hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ít người ở vùng núi. Các hoạt động kinh tế này hết sức đa dạng và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng nơi. Nhờ phát triển giao thông và điện lực... nhiều ngành kinh tế mới đã xuất hiện, làm cho bộ mặt nhiều vùng núi biến đổi nhanh chóng. Tuy nhiên, ở một số nơi sự phát triển này đã tác động tiêu cực đến môi trường, đến bản sắc văn hoá của các dân tộc ở vùng núi.

Câu hỏi và bài tập

1. Cho biết một số hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở vùng núi. Tại sao các hoạt động kinh tế này lại đa dạng và không giống nhau giữa các địa phương, các châu lục ?
2. Sự phát triển kinh tế của các vùng núi đã đặt ra những vấn đề gì về môi trường ?



Phần ba

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC

Bài 25 : THẾ GIỚI RỘNG LỚN VÀ ĐA DẠNG

Thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng. Bề mặt Trái Đất có các lục địa và các đại dương. Trên các châu lục có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau về điều kiện tự nhiên, về kinh tế - xã hội và văn hoá...

1. Các lục địa và các châu lục

Trong cuộc sống và học tập, chúng ta thường gặp hai khái niệm : lục địa và châu lục. Hai khái niệm này khác nhau như thế nào ?

Lục địa là khối đất liền rộng hàng triệu ki lô mét vuông, có biển và đại dương bao quanh. Sự phân chia các lục địa mang ý nghĩa về mặt tự nhiên là chính. Trên thế giới có sáu lục địa là lục địa Á - Âu, lục địa Phi, lục địa Bắc Mỹ, lục địa Nam Mỹ, lục địa Ô-xtrây-li-a, lục địa Nam Cực và bốn đại dương là Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương.

- Quan sát bản đồ thế giới (hoặc quả Địa Cầu) :

+ Xác định vị trí của sáu lục địa.

+ Nêu tên các đại dương bao quanh từng lục địa.

Châu lục bao gồm phần lục địa và các đảo, quần đảo chung quanh. Sự phân chia này chủ yếu mang ý nghĩa lịch sử, kinh tế, chính trị. Trên thế giới có sáu châu lục là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

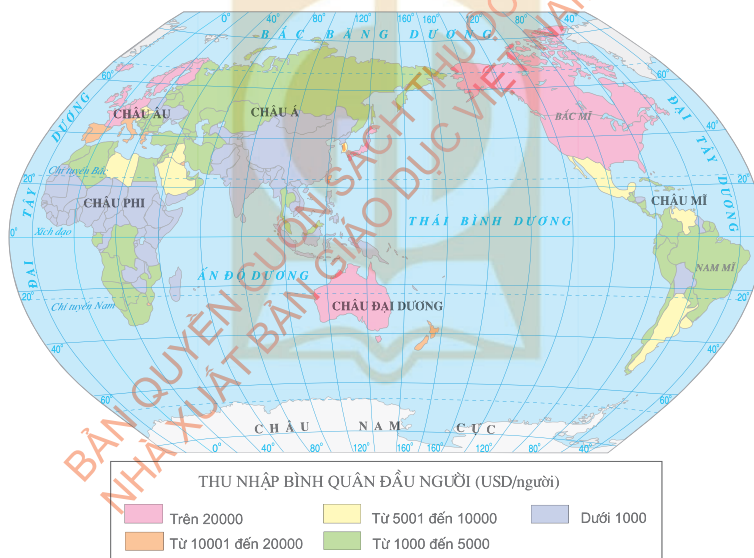
- Quan sát bản đồ thế giới, kể tên một số đảo và quần đảo lớn nằm chung quanh từng lục địa.



2. Các nhóm nước trên thế giới

Hiện nay, trên thế giới có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ ⁽¹⁾.

Châu lục	Số quốc gia
Châu Á	47
Châu Âu	43
Châu Phi	54
Châu Mỹ	35
Châu Đại Dương	14
Châu Nam Cực	0



Hình 25.1 - Lược đồ thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia trên thế giới (năm 2000)

(1) Theo *Tập bản đồ thế giới và các châu lục*. Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục - 2001.



Người ta thường dựa vào các chỉ tiêu : thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ tử vong của trẻ em ... hoặc chỉ số phát triển con người (HDI) để phân loại các quốc gia trên thế giới và đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của từng nước, từng châu lục.

Các quốc gia phát triển có thu nhập bình quân đầu người trên 20000 USD/năm, tỉ lệ tử vong của trẻ em thường rất thấp và chỉ số phát triển con người từ 0,7 đến gần bằng 1.

Các quốc gia đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người dưới 20000 USD/năm, tỉ lệ tử vong của trẻ em thường khá cao và chỉ số phát triển con người dưới 0,7.

Ngoài ra, còn có các cách phân loại khác. Thí dụ, căn cứ vào cơ cấu kinh tế, người ta chia các quốc gia trên thế giới ra các nhóm nước : nước công nghiệp, nước nông nghiệp...

Trên thế giới, có sáu châu lục với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau.

Người ta thường dựa vào các chỉ tiêu : thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ tử vong của trẻ em ... hoặc chỉ số phát triển con người để phân loại các quốc gia vào nhóm nước phát triển hay nhóm nước đang phát triển.

Câu hỏi và bài tập

1. Tại sao nói "Thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng" ?
2. Dựa vào kiến thức đã học và các số liệu trong bảng, sắp xếp các quốc gia sau đây thành hai nhóm : các nước phát triển và các nước đang phát triển (số liệu năm 1997):

Tên nước	Thu nhập bình quân đầu người (USD)	HDI	Tỉ lệ tử vong của trẻ em (‰)
Hoa Kì	29010	0,827	7
An-giê-ri	4460	0,665	34
Đức	21260	0,906	5
A-rập Xê-ut	10120	0,740	24
Bra-xin	6480	0,739	37





Chương VI

CHÂU PHI

Bài 26 : THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

Đại bộ phận lãnh thổ châu Phi nằm trong đới nóng, có khí hậu nóng và khô. Châu Phi ngăn cách với châu Âu bởi Địa Trung Hải, với châu Á bởi Biển Đỏ và kênh đào Xuy-ê.

1. Vị trí địa lí

- Quan sát hình 26.1 :

- + Cho biết châu Phi tiếp giáp với các biển và đại dương nào ?
- + Xích đạo đi qua phần nào của châu lục ?
- + Lãnh thổ châu Phi chủ yếu thuộc môi trường nào ?

Châu Phi là châu lục lớn thứ ba trên thế giới, sau châu Á và châu Mỹ. Diện tích hơn 30 triệu km². Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam, vì vậy châu Phi có khí hậu nóng quanh năm.

Bao bọc quanh châu Phi là các đại dương và biển : Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Địa Trung Hải, Biển Đỏ. Phía đông bắc, châu Phi nối liền với châu Á bởi eo đất Xuy-ê. Người ta đã đào kênh Xuy-ê cắt qua eo đất này, thông Địa Trung Hải với Biển Đỏ.

Đường bờ biển châu Phi ít bị chia cắt, rất ít các vịnh biển, bán đảo và đảo ; lớn hơn cả là đảo Ma-đa-ga-xca và bán đảo Xô-ma-li.

- Quan sát hình 26.1 :

- + Nêu tên các dòng biển nóng, các dòng biển lạnh chảy ven bờ biển châu Phi.
- + Cho biết ý nghĩa của kênh đào Xuy-ê đối với giao thông đường biển trên thế giới.



2. Địa hình và khoáng sản

- Quan sát hình 26.1 :

+ Cho biết ở châu Phi dạng địa hình nào là chủ yếu.

+ Nhận xét về sự phân bố của địa hình đồng bằng ở châu Phi.



Hình 26.1 - Lược đồ tự nhiên châu Phi



Địa hình châu Phi khá đơn giản. Có thể coi toàn bộ lục địa là một khối cao nguyên khổng lồ, cao trung bình 750 m ; trên đó chủ yếu là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp. Phần đông của lục địa được nâng lên mạnh, nền đá bị nứt vỡ và đổ sập, tạo thành nhiều thung lũng sâu, nhiều hồ hẹp và dài. Châu Phi có rất ít núi cao và đồng bằng thấp.

- Xác định trên hình 26.1 :

+ Các bồn địa và sơn nguyên, các hồ, các dãy núi chính của châu Phi.

+ Hướng nghiêng chính của địa hình châu Phi.

Châu Phi có nguồn khoáng sản phong phú : vàng, kim cương, uranium, sắt, đồng, photphat... Ngoài ra, còn có nhiều dầu mỏ và khí đốt.

Lục địa Phi là một khối cao nguyên khổng lồ, cao trung bình 750 m, phần lớn diện tích nằm trong đới nóng, biển ít lấn sâu vào đất liền.

Tài nguyên khoáng sản của châu Phi phong phú, đặc biệt là kim loại quý hiếm.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát hình 26.1, nhận xét đặc điểm đường bờ biển châu Phi. Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu châu Phi ?
2. Xác định trên hình 26.1, hồ Vích-to-ri-a và sông Nin, sông Ni-giê, sông Công-gô, sông Dăm-be-di.
3. Dựa vào hình 26.1, lập bảng theo mẫu sau :

KHOÁNG SẢN CHÂU PHI



Bài 27 : THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

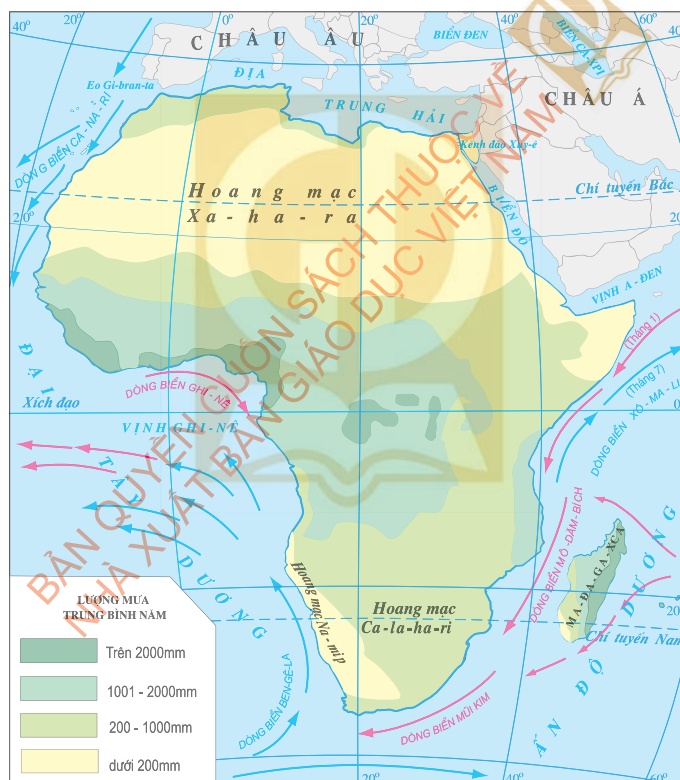
(Tiếp theo)

3. Khí hậu

- Dựa vào kiến thức đã học, kết hợp quan sát các hình 26.1 và 27.1, giải thích vì sao :

+ Châu Phi là châu lục nóng.

+ Khí hậu châu Phi khô, hình thành những hoang mạc lớn.



Hình 27.1 - Lược đồ phân bố lượng mưa châu Phi

Châu Phi có khí hậu nóng, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, thời tiết ổn định. Lượng mưa tương đối ít và giảm dần về phía hai chí tuyến, hình thành những hoang mạc lớn, lan ra sát biển. Xa-ha-ra là hoang mạc có diện tích lớn nhất trên thế giới.

- Quan sát hình 27.1, cho biết các dòng biển nóng, lạnh có ảnh hưởng tới lượng mưa các vùng ven biển châu Phi như thế nào.

4. Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên

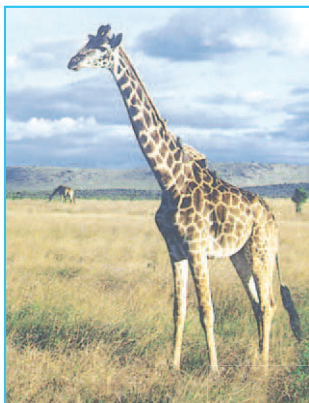
- Quan sát hình 27.2, nhận xét về sự phân bố của các môi trường tự nhiên ở châu Phi. Giải thích vì sao lại có sự phân bố như vậy ?



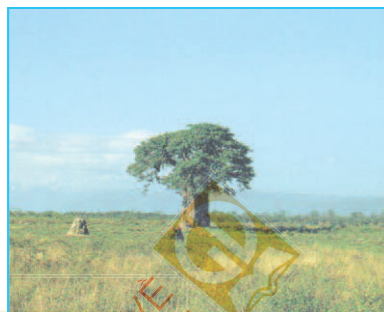
Hình 27.2 - Lược đồ các môi trường tự nhiên của châu Phi

Các môi trường tự nhiên của châu Phi nằm đối xứng qua xích đạo :

- Môi trường xích đạo ẩm với thảm thực vật rừng rậm xanh quanh năm, gồm bồn địa Công-gô và miền duyên hải phía bắc vịnh Ghi-nê.



Hình 27.3 - Xavan ở Tây Phi



Hình 27.4 - Xavan ở Đông Phi

- Hai môi trường nhiệt đới, càng xa Xích đạo lượng mưa càng giảm, rừng rậm nhường chỗ cho rừng thưa và xavan cây bụi. Nhờ nguồn thức ăn phong phú, xavan là nơi tập trung nhiều động vật ăn cỏ (ngựa vằn, sơn dương, hươu cao cổ...) và động vật ăn thịt (sư tử, báo gấm...).

- Hai môi trường hoang mạc, gồm hoang mạc Xa-ha-ra ở phía bắc và hoang mạc Ca-la-ha-ri, hoang mạc Na-míp ở phía nam. Khí hậu khắc nghiệt, mưa rất hiếm, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm lớn. Thực, động vật nghèo nàn.

- Hai môi trường địa trung hải ở phần cực Bắc và phần cực Nam châu Phi. Mùa đông mát mẻ và có mưa, mùa hạ nóng và khô. Thực vật là rừng cây bụi lá cứng.

Châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới.

Các môi trường tự nhiên của châu Phi nằm đối xứng qua Xích đạo, gồm môi trường xích đạo ẩm, môi trường nhiệt đới, môi trường hoang mạc và môi trường địa trung hải. Hoang mạc chiếm diện tích lớn ở châu Phi.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát các hình 27.1, 27.2 và dựa vào kiến thức đã học, nêu mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật ở châu Phi.
2. Xác định vị trí, ranh giới của môi trường hoang mạc và môi trường nhiệt đới trên hình 27.2. Nêu đặc điểm của hai loại môi trường này. Giải thích tại sao hoang mạc lại chiếm diện tích lớn ở Bắc Phi ?



Bài 28 : THỰC HÀNH

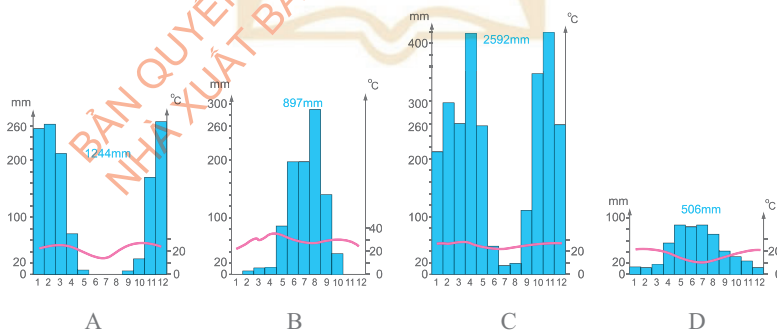
PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ CÁC MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở CHÂU PHI

1. Trình bày và giải thích sự phân bố các môi trường tự nhiên

- Quan sát hình 27.2 và dựa vào kiến thức đã học :
- + So sánh diện tích của các môi trường ở châu Phi.
- + Giải thích vì sao các hoang mạc ở châu Phi lại lan ra sát bờ biển ?

2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

- Phân tích các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây theo gợi ý sau :
 - + Lượng mưa trung bình năm, sự phân bố lượng mưa trong năm.
 - + Biên độ nhiệt trong năm, sự phân bố nhiệt độ trong năm.
 - + Cho biết từng biểu đồ thuộc kiểu khí hậu nào. Nêu đặc điểm chung của kiểu khí hậu đó.
- Sắp xếp các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa A, B, C, D vào các vị trí đánh dấu 1, 2, 3, 4 trên hình 27.2 sao cho phù hợp.



Hình 28.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm ở châu Phi

